

# ANNIE ERNAUX

Thư Phương dịch

An illustration of a woman with glasses and a dark jacket sitting at a kitchen counter. She is holding a pen and writing on a notepad. On the counter are a white blender, a blue bowl, and a white box with a clear lid. The background is a textured, brownish wall with a window on the left showing a blue curtain. The overall style is painterly and somewhat somber.

NOBEL  
PRIZE  
in  
LITERATURE  
2022

## MỘT NGƯỜI PHỤ NỮ



PN

NHÀ XUẤT BẢN  
PHỤ NỮ VIỆT NAM

Annie Ernaux, sinh năm 1940 tại Lillebone, lớn lên tại Yvetot, đều thuộc tỉnh Seine-Maritime, vùng Normandie, tây bắc nước Pháp. Bà học ngành Văn học hiện đại ở Đại học Rouen, sau đó làm giáo viên ở Annecy, Pontoise rồi Trung tâm giáo dục từ xa quốc gia. Bà là tiến sĩ danh dự của Đại học Cergy-Pontoise.

Năm 1974, bà xuất bản tác phẩm đầu tay *Les armoires vides* (Những ngăn kéo rỗng) kể về lần phá thai chui của bản thân vào năm 1964. Năm 1983, bà xuất bản *Một chỗ trong đời*, kể về cuộc đời của cha mình, và cuốn sách đã đoạt giải Renaudot. Năm 2008, bà xuất bản *Les années* (Những năm tháng), tác phẩm được coi là hoàn chỉnh về nội dung lẫn hình thức của thể loại hồi ức tập thể.

Trong suốt cuộc đời, Annie Ernaux đã được trao rất nhiều giải thưởng: giải Renaudot (1984), giải thưởng về ngôn ngữ Pháp, giải François Mauriac (2008), giải Marguerite Yourcenar (2017)... và đặc biệt với giải Nobel Văn chương (2022) vì "với lòng can đảm cùng sự nhạy bén bên trong, bà đã khám phá ra những cội rễ, những cách biệt và những câu thúc tập thể của hồi ức cá nhân".

Bà hiện sống ở Cergy, vùng Île-de-France.

Các tác phẩm của Annie Ernaux xuất bản tại Nhã Nam:

- *Một chỗ trong đời*

- *Hồi ức thiếu nữ*

- *Nỗi nhục*

- *Cơn cuồng si*

- *Một người phụ nữ*

- *Những năm tháng* (sắp xuất bản)



*"Tôi sẽ không còn nghe thấy giọng nói của bà nữa. [...] Tôi đã đánh mất sợi dây nối cuối cùng với thế giới xuất thân của mình."*

Ấy là cảm giác của Annie Ernaux khi thực sự nhận ra mẹ mình không còn trên cõi đời. Và bà gắng đi tìm lại những gương mặt khác nhau của người mẹ ấy, một người phụ nữ vốn rất khỏe, xông xáo, cởi mở, thích đọc sách, qua đời ngày 7 tháng Tư năm 1986, sau một thời gian mắc bệnh Alzheimer. Qua sự tái hiện cuộc đời một nữ công nhân, rồi chủ hàng thực phẩm luôn lo âu về địa vị và học hỏi không ngừng, Annie Ernaux cũng cho ta thấy sự tiến triển cũng như tính hai mặt của những tình cảm mà một người con gái dành cho mẹ: tình yêu, lòng thù ghét, sự âu yếm, cảm giác tội lỗi và cuối cùng là sự gắn bó máu thịt với người đàn bà già cả đã sa sút trí tuệ. Cùng với đó phảng phất những thăng trầm của nước Pháp suốt thế kỷ 20, như lời tổng thống Pháp Emmanuel Macron đã phát biểu khi Annie Ernaux trở thành chủ nhân giải Nobel Văn chương 2022:

*"Suốt 50 năm qua, Annie Ernaux viết cuốn tiểu thuyết về ký ức tập thể và riêng tư của đất nước chúng ta. Tiếng nói của bà là tiếng nói tự do của người phụ nữ và của những điều đã bị lãng quên trong thế kỷ qua".*

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp: **UNE FEMME**  
của **Annie Ernaux**

© Édition Gallimard, Paris, 1987

Annie Ernaux

# MỘT NGƯỜI PHỤ NỮ

Dịch giả: THU PHƯƠNG

Phát hành: CTY VH VÀ TT NHÃ NAM

Xuất bản: NXB PHỤ NỮ VIỆT NAM, 03/2023



@huyetleid0907, 01/2024

*Thật sai lầm khi cho rằng mâu thuẫn là điều không thể hình dung,  
bởi nó tồn tại thực trong chính nỗi đau của kẻ sống.*

HEGEL

**M**ẹ tôi mất vào thứ Hai ngày 7 tháng Tư tại nhà dưỡng lão thuộc bệnh viện Pontoise, nơi tôi đã đưa bà vào cách đây hai năm. Nam y tá thông báo qua điện thoại: "Mẹ bà mất vào sáng nay, sau bữa sáng." Lúc đó là khoảng mười giờ.

Lần đầu tiên cửa phòng bà đóng. Người ta làm vệ sinh cho bà, một băng vải trắng quấn chặt đầu bà, luồn xuống dưới cằm, đưa toàn bộ da về quanh miệng và cặp mắt. Bà được đắp một tấm ga kéo trùm qua vai, che kín cả hai bàn tay. Trông bà giống một xác ướp nhỏ bé. Người ta để ở hai bên giường các thanh chắn nhằm ngăn bà nhòem dậy. Tôi muốn mặc cho bà cái áo sơ mi ngủ màu trắng, móc viền, đã được bà mua từ lâu lắm rồi để dành cho đám tang của mình. Viên y tá bảo tôi rằng một nữ nhân viên sẽ phụ trách việc ấy, người đó cũng sẽ đặt lên người bà cây thánh giá, vốn dĩ nằm trong ngăn kéo bàn đầu giường bà. Nó bị thiếu mất hai cái đinh ghim hai cánh tay bằng đồng lên thập giá. Viên y tá không chắc có thể tìm thấy chúng. Điều này không quan trọng, dầu vậy tôi vẫn mong họ đặt cây thánh giá của bà lên cho bà. Trên cái bàn gắn bánh xe, có bó hoa liên kiều tôi mang tới từ hôm trước. Y tá khuyên tôi đi ngay đến bộ phận hộ tịch của bệnh viện. Trong thời gian đó, người ta sẽ kiểm kê đồ đạc cá nhân của mẹ tôi. Bà gần như chẳng còn gì, một bộ đồ, đôi giày mùa hè màu xanh, một dao cạo râu điện. Một phụ nữ bắt đầu la hét, vẫn là cái bà ấy từ nhiều tháng nay. Tôi không sao hiểu được việc bà ta còn sống mà mẹ tôi thì chết.

Tại bộ phận hộ tịch, một phụ nữ trẻ hỏi tôi có việc gì. "Mẹ tôi qua đời sáng nay. - Ở bệnh viện hay nội trú dài ngày? Tên gì?" Cô ta nhìn một tờ giấy và hơi mỉm cười: cô ta đã biết từ trước. Cô ta đi tìm hồ sơ của mẹ tôi và hỏi tôi vài câu về bà, nơi sinh của bà, địa chỉ cuối cùng của bà trước khi nhập viện điều trị dài ngày. Những thông tin ấy phải viết vào hồ sơ.

Trong phòng mẹ tôi, người ta đã soạn sẵn một túi ni lông đựng đồ của bà đặt trên bàn đầu giường. Viên y tá chìa cho tôi tờ phiếu kiểm kê để tôi ký. Tôi không muốn mang quần áo cùng các món đồ bà có ở đây về nữa, ngoại trừ bức tượng nhỏ mua trong một chuyến hành hương tới Lisieux cùng bố tôi ngày xưa, và một cậu bé nạo óng khói Savoie, đồ lưu niệm từ Annecy. Giờ đây, khi tôi đã đến, người ta có thể đưa mẹ tôi vào nhà xác của bệnh viện, khỏi phải đợi hết thời hạn hai tiếng giữ thi thể tại chỗ sau khi chết theo quy định. Lúc đi khỏi, tôi trông thấy trong văn phòng gắn vách kính dành cho nhân viên cái bà ở cùng phòng với mẹ tôi. Bà đang ngồi, với cái xác cầm tay, người ta đưa bà vào đó đợi cho đến khi mẹ tôi được chuyển vào nhà xác.



Chồng cũ đưa tôi tới chỗ dịch vụ mai táng. Đằng sau giá để hoa giả, có nhiều phô toi cùng một cái bàn thấp chất đầy tạp chí. Một nhân viên dẫn chúng tôi vào một văn phòng, đặt các câu hỏi về ngày giờ qua đời, địa điểm chôn cất, có làm lễ mi xa hay không. Anh ta chép mọi điều vào một bảng kê lớn và chốc chốc lại bầm máy tính. Anh ta đưa chúng tôi vào một căn phòng tối đen không cửa sổ rồi bật đèn. Khoảng một chục cỗ quan tài được kê dựa vào tường. Anh nhân viên nói rõ: "Giá đã bao gồm thuế". Ba quan tài được mở sẵn để người ta có thể chọn cả màu lớp lót trong. Tôi lấy gỗ sồi vì đó là loại cây bà thích nhất và lúc nào ở trước một món đồ gỗ mới bà cũng lo lắng có biết xem có phải nó được làm bằng gỗ sồi hay chẳng. Chồng cũ của tôi gợi ý màu hồng ngả tím cho lần lót. Ông kiêu hãnh, gần như sung sướng vì nhớ được là mẹ tôi hay có áo chèn ngực màu ấy. Tôi viết một tờ séc đưa cho anh nhân viên. Họ lo mọi việc, trừ cung cấp hoa tươi. Quãng giữa trưa tôi về nhà và uống porto cùng chồng cũ. Tôi đã bắt đầu thấy đau đầu và đau bụng.

Khoảng năm giờ, tôi gọi điện tới bệnh viện để hỏi có thể cùng hai con trai tới nhà xác thăm mẹ tôi không. Cô nhân viên trực tổng đài trả lời là đã quá muộn, nhà xác đóng cửa lúc bốn rưỡi. Tôi lái xe ô tô ra ngoài một mình để tìm một hàng hoa mở cửa vào thứ Hai, trong các khu phố mới gần bệnh viện. Tôi muốn hoa bách hợp trắng, nhưng cô bán hàng khuyên tôi đừng chọn loại đó, người ta chỉ dùng chúng cho bọn trẻ con, cùng lắm thì cũng là các thiếu nữ.

Lễ chôn cất diễn ra vào thứ Tư. Tôi đến bệnh viện cùng hai con trai và chồng cũ. Nhà xác không có mũi tên chỉ đường, chúng tôi lạc mãi mới tìm được nó, một tòa nhà bằng bê tông chỉ có một tầng, nằm ở cạnh cánh đồng. Một nhân viên vận bờ lu trắng đang gọi điện thoại ra hiệu bảo chúng tôi ngồi xuống ghế trong hành lang. Chúng tôi ngồi ở chỗ dãy ghế đặt dọc sát tường, đối diện với khu vệ sinh để cửa mở. Tôi muốn nhìn thấy mẹ lần nữa và đặt lên người bà hai cành hoa mộc qua nhỏ mà tôi để trong túi xách. Chúng tôi không biết người ta có định cho chúng tôi vào chỗ mẹ tôi lần cuối trước khi đóng nắp quan tài hay không. Nhân viên dịch vụ mai táng mà chúng tôi đã gặp ở cửa hàng đi ra từ một căn phòng bên cạnh và, hết sức lịch sự, bảo chúng tôi đi theo anh ta. Mẹ tôi nằm trong quan tài, đầu ngửa về phía sau, hai tay chắp lại trên cây thánh giá. Người ta đã tháo dải băng và mặc áo sơ mi ngủ bo viền cho bà. Cái chăn xa tanh kéo cao lên ngang ngực. Đó là trong một phòng lớn trơ trọi, bằng bê tông. Tôi không biết từ đâu rọi vào chút ánh sáng bên ngoài.

Người nhân viên nói với chúng tôi là đã hết thời gian thăm, và dẫn chúng tôi ra ngoài hành lang. Tôi thấy dường như anh ta đưa chúng tôi tới trước mẹ tôi để chúng tôi ghi nhận chất lượng cao các cam kết của hãng. Chúng tôi băng ngang những khu phố mới để đến nhà thờ, được xây dựng bên cạnh trung tâm văn hóa. Xe tang còn chưa tới, chúng tôi đứng đợi trước nhà thờ. Đối diện, trên mặt tiền của siêu thị, có dòng chữ viết trên mặt đường, "tiền, hàng hóa và Nhà nước là

ba cột trụ của apartheid". Một ông linh mục tiến đến, hết sức hòa nhã. Ông hỏi, "đó là mẹ bà à?" rồi hỏi các con tôi xem chúng có đang đi học không, ở trường đại học nào.

Một thứ trông như chiếc giường nhỏ để trống, bọc nhung đỏ vòng quanh, được đặt thẳng xuống sàn xi măng, trước ban thờ. Một lúc sau, người bên mai táng đặt quan tài của mẹ tôi lên đó. Ông linh mục bỏ một cuộn băng cát xét phát nhạc đàn ống nhà thờ vào cái đài. Chỉ có chúng tôi dự lễ mi xa, mẹ tôi không quen biết ai ở đây. Ông linh mục nói về "cuộc sống vĩnh hằng", về "sự phục sinh của người chị em chúng ta", ông hát các bài thánh vịnh. Tôi những muốn cứ như thế mãi, muốn rằng người ta còn làm thêm điều gì đó nữa cho mẹ tôi, các động tác, các bài hát. Tiếng nhạc đàn ống lại vang lên và ông linh mục thổi tắt nến ở hai bên quan tài.

Xe ô tô của dịch vụ mai táng ngay lập tức khởi hành về Yvetot, vùng Normandie, nơi mẹ tôi sẽ được chôn cạnh bố tôi. Tôi đi trên xe riêng cùng hai con trai. Trời mưa suốt hành trình, gió thổi phàn phật. Hai thằng bé hỏi tôi về lễ mi xa, vì trước đó chúng chưa bao giờ xem lễ và đã không biết phải cư xử như thế nào trong lúc buổi lễ được cử hành.

Ở Yvetot, gia đình đã quần tụ gần cửa sắt lối vào nghĩa trang. Một người chị họ hét lên với tôi từ xa. "Thời tiết kinh quá, cứ như đang là tháng Mười một!", để khỏi phải ở yên đó nhìn chúng tôi bước đến mà không nói gì. Chúng tôi cùng nhau bước về phía mộ bố tôi. Huyệt đã được mở, đất được hất sang bên thành đồng màu vàng. Người ta mang quan tài mẹ tôi tới. Vào lúc nó được đặt trên miệng huyệt, giữa đồng dây dợ, mấy người đó bảo tôi tiến lại gần để có thể nhìn thấy quan tài trượt xuống dọc theo thành huyệt. Phu đào huyệt đứng chờ cách đó vài mét cùng cái xẻng. Ông ta mặc đồ bảo hộ lao động màu xanh, đội mũ bê rê và đi ủng, nước da tím tái. Tôi muốn nói chuyện với ông ta và đưa ông ta một trăm franc, nghĩ có lẽ ông ta sẽ dùng tiền đó để đi uống rượu. Điều này chẳng mấy quan trọng, ngược lại, ông ta là người cuối cùng chăm lo cho mẹ tôi bằng cách phủ đất cho bà cả buổi chiều, ông ta cần phải cảm thấy sung sướng khi làm việc ấy.

Gia đình không muốn tôi đi ngay mà không ăn gì. Dì tôi dự định sẽ ăn bữa sau lễ tang ở quán. Tôi ở lại, cả điều đó tôi cũng thấy là một việc tôi còn có thể làm cho bà. Quán phục vụ chậm chạp, chúng tôi nói chuyện công việc, con cái, thỉnh thoảng là chuyện mẹ tôi. Họ bảo tôi, "để chị ấy sống trong tình trạng đó suốt nhiều năm thì có được gì đâu". Đối với tất cả, mẹ tôi chết thì tốt hơn. Đó là một câu, một khẳng định chắc chắn, mà tôi không hiểu. Buổi tối, tôi quay về vùng Paris. Mọi thứ đã thực sự kết thúc.

**T**rong tuần tiếp theo, tôi bật khóc ở bất kỳ đâu. Lúc tỉnh dậy, tôi biết rằng mẹ tôi đã chết. Tôi ra khỏi những giấc mơ nặng nề mà tôi không còn nhớ gì, trừ việc có bà ở đó, và đã chết. Tôi chẳng làm gì khác ngoài các việc thiết yếu để sống, đi mua đồ, nấu ăn, cho quần áo vào máy giặt. Tôi thường quên mất phải thực hiện chúng theo trình tự nào, tôi dừng lại sau khi gọt vỏ rau củ, chỉ chuyển sang động tác sau đó, rửa rau, sau khi đã nỗ lực suy nghĩ. Đọc sách thì không tài nào. Một lần, tôi xuống dưới hầm, va li của mẹ tôi nằm ở đó, cùng túi đựng tiền của bà, một cái túi dùng mùa hè, mấy cái khăn quàng đựng bên trong. Tôi ngã ra trước cái va li để mở. Ở bên ngoài, trong thành phố, tôi cảm thấy tệ hại hơn cả. Tôi đang lái xe thì đột ngột: "Mẹ sẽ không bao giờ còn ở đâu trên đời." Tôi không còn hiểu nổi cách cư xử thông thường của người khác, sự chăm chú tỉ mỉ của họ tại hàng thịt nhằm chọn miếng thịt này miếng thịt nọ gây kinh hoàng cho tôi.

Tình trạng ấy dần dần biến mất. Vẫn còn may vì thời tiết lạnh và hay mưa, giống hồi đầu tháng, khi mẹ tôi còn sống. Và những giây phút trống rỗng mỗi lần tôi nhận thấy "không còn cần phải" hay "mình không còn cần" (làm việc này hay việc kia cho bà). Hang ẩn của ý nghĩ đó: mùa xuân đầu tiên bà sẽ không thấy. (Giờ đây cảm thấy sức mạnh của các câu nói thông thường, thậm chí sáo ngữ.)

Ngày mai sẽ là tròn ba tuần kể từ ngày hạ huyệt. Mãi hôm kia, tôi mới vượt qua được nỗi hãi hùng để viết vào phía trên một tờ giấy trắng, như khởi đầu một cuốn sách, chứ không phải bức thư gửi cho ai đó, "mẹ tôi mất". Tôi cũng đã có thể xem các bức ảnh chụp bà. Trên một bức, ở ven bờ sông Seine, bà ngồi, hai chân gập lại. Một bức ảnh đen trắng, nhưng cứ như thể tôi trông thấy mái tóc hung của bà, ánh phản chiếu của bộ đồ vải dạ alpaca của bà.

Tôi sẽ tiếp tục viết về mẹ tôi. Bà là người phụ nữ duy nhất từng thực sự đáng kể đối với tôi và bà đã mất trí từ hai năm nay. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu tôi đợi cho bệnh tình cùng cái chết của bà hòa tan vào dòng chảy đã qua của cuộc đời tôi, như những sự kiện khác, cái chết của bố tôi và cuộc chia tay với chồng tôi, để có được cái khoảng cách giúp việc phân tích các kỷ niệm dễ dàng hơn. Nhưng tôi không có khả năng làm việc gì khác vào lúc này.

Đó là một việc thật khó. Đối với tôi, mẹ tôi không có lịch sử. Bà luôn luôn ở đó. Lúc nhắc đến bà, phản ứng đầu tiên của tôi là gắn chặt bà vào những hình ảnh không có ý niệm thời gian: "bà rất hung dữ", "đó là một phụ nữ từng đốt bỏ mọi thứ", và lộn xộn gọi nhắc những khung cảnh có bà hiện diện. Bằng cách ấy tôi chỉ tìm lại được người phụ nữ trong tưởng tượng của tôi, vẫn cùng cái người mà, từ vài ngày nay, trong những giấc mơ của tôi, tôi lại thấy đang sống, không biết bao

nhieu tuổi, trong một bầu không khí căng thẳng tương tự bầu không khí của các bộ phim kinh dị. Tôi những muốn cũng nắm bắt được người phụ nữ từng tồn tại bên ngoài tôi, người phụ nữ thực, sinh ra tại ngoại ô một thành phố nhỏ vùng Normandie và qua đời tại khoa lão khoa thuộc một bệnh viện trong vùng Paris. Những gì tôi hy vọng viết được chuẩn xác hơn chắc hẳn nằm ở chỗ giao nhau của cái gia đình và cái xã hội, của huyền thoại và lịch sử. Dự định của tôi có bản tính văn chương, bởi vì đây là chuyện đi tìm một sự thật về mẹ tôi, điều chỉ có thể đạt đến thông qua từ ngữ. (Tức là cả các bức ảnh lẫn những kỷ niệm của tôi hay lời kể của gia đình đều không thể mang lại cho tôi sự thật đó.) Nhưng tôi mong muốn ở lại được, theo một cách thức nào đó, phía bên dưới văn chương.

\*

Yvetot là một thành phố lạnh lẽo, được xây dựng trên một cao nguyên lộng gió, giữa Rouen và Le Havre. Hồi đầu thế kỷ 20, nó từng là trung tâm buôn bán và hành chính của một vùng thuần nông, nằm trong tay các chủ đất lớn. Ông ngoại tôi, làm nghề đánh xe tại một trang trại, và bà ngoại tôi, làm thợ dệt tại gia, đã chuyển tới đây sống vài năm sau khi cưới nhau. Cả hai đều là người gốc ở một ngôi làng lân cận, cách ba cây số. Họ thuê một ngôi nhà một tầng nhỏ bé có sân, ở phía bên kia đường sắt, vùng rìa, trong một khu vực nông thôn không có ranh giới xác định, giữa những quán cà phê xa nhà ga nhất và các cánh đồng cải dầu đầu tiên. Mẹ tôi sinh ra tại đó, năm 1906, là con thứ tư trong số sáu người con. (Niềm kiêu hãnh của bà, những khi bà nói: "Mẹ không đẻ ở nông thôn.")

Bốn đứa con trong số ấy suốt đời không rời khỏi Yvetot, mẹ tôi sống ở đó ba phần tư cuộc đời. Họ ở rất gần trung tâm nhưng chưa bao giờ sống trong đó. Người ta "vào phố", để dự lễ mi xa, mua thịt, đi gửi ngân phiếu. Giờ, chỉ họ tôi có một chỗ ở ngay trung tâm, có quốc lộ 15 cắt ngang, trên đó xe cam nhông chạy suốt ngày đêm. Chị cho mèo uống thuốc ngủ để ngăn nó ra khỏi nhà để rồi bị xe chẹt. Khu phố nơi mẹ tôi đã trải qua tuổi thơ rất được người có thu nhập cao săn tìm, vì yên tĩnh và có các ngôi nhà cổ.

Bà tôi thiết lập luật lệ và dùng những la hét cùng đòn roi để trông chừng, "uốn nắn" lũ con. Đó là một phụ nữ cứng rắn khi vào việc, không mấy dễ dãi, chẳng có sự xả hơi nào khác ngoài đọc phơi ơ tông<sup>1</sup>. Bà biết đọc biết viết và, vốn dĩ là người đầu tiên trong tổng lấy được bằng tiểu học, lẽ ra bà có thể trở thành cô giáo. Bố mẹ của bà nhất quyết không cho bà rời làng. Hồi đó, có sự tin chắc rằng xa gia đình là nguồn gốc bất hạnh. (Trong tiếng Normandie, "tham vọng" hàm nghĩa

<sup>1</sup> Feuilletton: Tiểu thuyết đăng báo dài kỳ.

đau đớn vì bị phân tách, một con chó có thể chết vì tham vọng.) Để hiểu cái câu chuyện khép lại ở tuổi mười một ấy, cần phải nhớ những câu mở đầu bằng "hồi xưa": hồi xưa, người ta không đi học như bây giờ, người ta nghe lời bố mẹ, v.v.

Bà chăm lo nhà cửa rất giỏi, tức là với tối thiểu tiền bạc mà bà vẫn nuôi ăn mặc được cả gia đình, lễ mi xa thì cho lũ con xếp hàng, quần áo không rách không vết bẩn, và bằng cách ấy tiền lại gần được cái phẩm giá cho phép sống mà không cảm thấy mình là bọn quê mùa. Bà lật ngược cổ áo và cổ tay áo sơ mi để kéo dài thời gian sử dụng. Bà giữ lại mọi thứ, váng sữa, bánh mì đã cứng queo, để làm bánh ngọt, tro củi để giặt giũ, hơi nóng bếp lò đã tắt để sấy mận hay đóng giẻ lau, nước rửa mặt buổi sáng thì để rửa tay trong ngày. Rành rẽ mọi việc thích ứng với cái nghèo. Hiểu biết đó, được truyền lại từ mẹ sang con gái suốt nhiều thế kỷ, dừng lại ở tôi, vốn dĩ chỉ còn là người lưu trữ.

Ông tôi, một người mạnh mẽ và dịu dàng, mất ở tuổi năm mươi do một cơn nhồi tim. Mẹ tôi hồi ấy mười ba tuổi và bà rất yêu bố. Thành người góa bụa, bà tôi còn cứng rắn hơn nữa, lúc nào cũng hết sức cảnh giác. (Hai hình ảnh kinh hoàng, nhà tù cho lũ con trai, con hoang cho bọn con gái.) Vì nghề dệt sợi tại gia đã mai một, bà làm thợ giặt, lao công cho các công sở.

Đoạn cuối đời, bà sống cùng cô con gái út và con rể, trong một dãy lán không có điện, trước là nhà ăn tập thể của nhà máy bên cạnh, ngay phía dưới đường sắt. Mẹ tôi hay dẫn tôi đến thăm bà vào Chủ nhật. Đó là một phụ nữ thấp, tròn, đi lại thoăn thoắt mặc cho một bên chân ngắn hơn chân còn lại từ lúc mới sinh. Bà đọc tiểu thuyết, rất ít nói, nếu nói thì đột ngột, thích uống rượu trắng mà bà pha lẫn với chút cà phê dính dưới đáy, trong tách. Bà mất năm 1952.

Tuổi thơ của mẹ tôi, nhìn chung gần như sau:

nổi thèm ăn không bao giờ được thỏa. Bà ngón ngấu mẩu bánh mì thừa ra trên đường đi từ hiệu bánh về nhà. "Cho đến năm hăm lăm tuổi, chắc mẹ ăn được cả biển lẫn cá!",

phòng ngủ chung cho cả lũ trẻ con, giường nằm chung với một bà chị, những cơn mộng du, người ta thấy bà đứng ngoài sân, vẫn ngủ, mắt mở to,

những váy cùng giầy chuyển từ cô chị sang cô em, một con búp bê vải dẹt Giáng sinh, răng sún hết vì uống rượu táo,

nhưng cũng có các chuyến dạo chơi trên lưng con ngựa thồ, trượt pa tanh trên cái đầm đóng băng hồi mùa đông năm 1916, chơi trốn tìm và nhảy dây, những câu chửi cùng động tác quen thuộc thể hiện sự khinh bỉ - quay lưng lại rồi vỗ mạnh một tay vào mông - về phía các "cô nương" trường nội trú tư thục,

toàn bộ cuộc sống bên ngoài của một đứa con gái nông thôn, với cùng kỹ năng sống như bọn con trai, cưa gỗ, rung cây táo cho quả rụng và cắt tiết gà bằng một nhát xiên lưỡi kéo vào cuối cổ họng. Khác biệt duy nhất, không để người khác sờ vào "chỗ kín".

Bà đi học ở trường trong xã, ít nhiều tùy theo các công việc từng mùa và tình trạng ốm đau của anh chị em. Chẳng có mấy kỷ niệm ngoài những đòi hỏi về phép lịch sự và sạch sẽ từ các cô giáo, chìa tay để kiểm tra móng, đoạn trên áo sơ mi, cởi một bên giày (ta chẳng bao giờ biết phải rửa chân nào). Giáo dục đã lướt qua bà mà không khơi dậy ham muốn nào. Chẳng ai "thúc đẩy" con cái họ, cái đó cần phải "tự ở trong chúng" và trường học chỉ là một quãng thời gian cần qua trong khi đợi đến lúc chúng không còn là gánh nặng của gia đình nữa. Người ta có thể nghỉ học, chẳng mất gì. Nhưng không được tránh lễ mi xa, ngay cả ở dưới chân nhà thờ, cái lễ ấy cũng mang lại cho ta cảm giác mình không "sống như lũ chó", bằng cách dự phần vào sự giàu sang, vẻ đẹp và tinh thần (những áo lễ thêu, bình rượu lễ bằng vàng cùng các bài thánh vịnh). Mẹ tôi ngay từ sớm đã tỏ niềm yêu thích mãnh liệt dành cho tôn giáo. Giáo lý là môn duy nhất bà say sưa học, thuộc lòng tất cả các câu trả lời. (Cả về sau nữa, cái cách thức hỏn hển, vui sướng, khi đáp lại những lời cầu nguyện, ở nhà thờ, như để cho thấy là bà có biết.)

Bà không sung sướng cũng chẳng bắt hạnh lúc rời khỏi trường vào năm mười hai tuổi rưỡi, quy tắc chung<sup>2</sup>. Tại xưởng bơ thực vật nơi bà vào làm, bà phải chịu lạnh và ẩm ướt, hai bàn tay ngâm nước bị lên cước suốt mùa đông. Sau đó, bà không bao giờ "nhìn" bơ thực vật được nữa. Vậy là, chẳng có mấy "tuổi niên thiếu hoa mộng", nhưng có sự mong chờ tối thứ Bảy, món tiền công mang về cho mẹ, chỉ giữ lại chút ít để tự thưởng cho mình tờ *Tiếng vọng nhỏ của thời trang*<sup>3</sup> cùng phần trang điểm, những trận cười như điên, niềm cảm hận. Một hôm, viên đốc công bị mắc khấn bịt mặt vào dây cu roa của một cái máy. Không ai giúp ông ta và ông ta đã phải tự thoát ra. Mẹ tôi ở ngay bên cạnh. Làm sao chấp nhận được điều đó, trừ phi đã phải chịu một gánh nặng tương đương sự thù ghét?

Với chuyển động của quá trình công nghiệp hóa hồi những năm 1920, một nhà máy xe sợi lớn được dựng nên, vết cạn sức trẻ trong vùng. Mẹ tôi, cũng như các anh chị em của bà, được tuyển

<sup>2</sup> Thế nhưng sẽ mắc bẫy nếu chỉ nói là ở quá khứ. Trên tờ Le Monde ra ngày 17 tháng Sáu năm 1986, ta thấy đoạn sau về vùng đất quê hương của mẹ tôi, vùng Thượng-Normandie: "Phổ cập giáo dục chậm vốn chưa bao giờ được khắc phục, dù đã có cải thiện, vẫn tiếp tục để lại nhiều hệ lụy (...) Hằng năm, 7.000 thanh niên rời hệ thống phổ thông mà không được đào tạo. Xuất phát từ các "lớp kém", họ không thể tiếp cận các khóa thực tập lành nghề. Theo một nhà giáo dục, một nửa trong số đó 'không đọc nổi hai trang viết ra cho mình'." (Chú thích của tác giả.)

<sup>3</sup> Tên gốc là: "Le petit écho de la mode", một tạp chí thời trang ra đời vào cuối thế kỷ 19 và đã đóng cửa năm 1983, từng đạt tới lượng phát hành hơn một triệu bản mỗi tuần vào những năm 1950. (BT)

dụng. Để tiện lợi hơn, bà tôi chuyển nhà, thuê một ngôi nhà nhỏ cách nhà máy một trăm mét, bà làm dọn dẹp ở đó vào buổi tối, cùng các cô con gái. Mẹ tôi thích ở trong những căn xưởng sạch sẽ và khô ráo ấy, nơi người ta không cấm nói chuyện và cười đùa trong lúc làm việc. Kiêu hãnh vì là công nhân tại một nhà máy lớn: một điều gì đó giống như được văn minh hóa so với đám man dã, những đứa con gái nông thôn vẫn ở lại đằng sau lũ bò cái, và tự do trong mắt các nô lệ, đám người hầu ở các nhà tư sản, buộc phải "rửa dĩa cho chủ". Nhưng cũng thấy được toàn bộ những gì phân tách bà, theo cách thức rất khó tả, với giấc mơ của bà: trở thành quý cô ở cửa hàng.

Giống nhiều gia đình đông con, nhà mẹ tôi là một bộ lạc, tức là bà tôi cùng các con có cùng lối hành xử và sống thân phận công nhân pha mùi nông thôn của họ, điều này cho phép nhận ra họ, "nhà D...". Tất thấy họ, đàn ông hay đàn bà, đều la hét trong mọi hoàn cảnh. Vui vẻ tung trời, nhưng hay sợ bóng sợ vía, họ dễ nổi xung và "không khiến ai nói họ" những gì họ cần nói. Trên mọi điều, là lòng kiêu ngạo về sức làm việc của mình. Họ khó lòng chấp nhận được rằng có người can đảm hơn họ. Họ luôn luôn đặt sự chắc chắn mình là "ai đó" đối lập lại với các ranh giới vây quanh họ. Có lẽ từ đó mà có cơn cuồng ấy, thứ khiến họ lao mình vào mọi điều, công việc, đồ ăn, cười chảy nước mắt rồi một tiếng sau thì thông báo: "tôi đi nhảy vào bể nước đây".

Trong tất cả anh chị em, mẹ tôi là người dữ nhất và kiêu ngạo nhất, một sự thấu suốt đầy nổi loạn về vị thế thấp kém của mình trong xã hội và sự từ chối bị đánh giá chỉ dựa trên cái đó. Một trong những suy nghĩ thường trực hơn cả của bà về người giàu là "ta cũng đáng giá như bọn họ". Đó là một phụ nữ tóc vàng xinh đẹp khá là khỏe ("hắn người ta sẵn sàng mua sức khỏe của mẹ!"), với cặp mắt màu ghi. Bà thích đọc mọi thứ rơi vào tay, hát những bài mới, bôi son đánh phấn, đi xem phim cùng cả nhóm, tới nhà hát để xem các vở *Roger Ô nhục* và *Ông chủ lò rèn*. Lúc nào cũng sẵn sàng "chơi luôn".

Nhưng vào cái thời kỳ và ở cái thành phố nhỏ mà điều cốt yếu của đời sống xã hội nằm ở chỗ biết về người khác càng nhiều điều càng tốt, nơi hành xử của phụ nữ bị giám sát thường hằng và tự nhiên, người ta chỉ có thể bị kẹt vào giữa ham muốn "tranh thủ tuổi trẻ của mình" và nỗi ám ảnh bị "người ta chỉ trích". Mẹ tôi đã cố công gò mình theo phán xét phù hợp nhất với những cô gái làm việc ở nhà máy: "nữ công nhân *nhưng* nghiêm túc", dự lễ mi xa và các thánh lễ, bánh thánh, thêu túi đựng đồ ở chỗ các xơ trong trại trẻ mồ côi, không bao giờ một mình đi vào rừng với một đứa con trai. Bà không biết rằng những cái chân vấy cát ngấn, mái tóc kiểu con trai, cặp mắt "dạn dĩ" của bà, nhất là sự thể bà làm việc cùng cả đám đàn ông, đã đủ ngăn người ta coi bà như cái mà bà khát khao trở thành, "một thiếu nữ đúng chuẩn".



Tuổi trẻ của mẹ tôi, một phần là vậy: nỗ lực thoát khỏi số phận khả dĩ xảy tới nhất, cái nghèo là chắc chắn, rượu chè thì có thể. Khởi những gì xảy tới với một cô công nhân khi cô ta "sống buông thả" (hút thuốc lá, chẳng hạn, tối đến thì lê la ngoài đường, đi chơi mà người lấm lem) và rồi chẳng "thanh niên nghiêm túc" nào thèm để ý nữa.

Các anh chị em của bà đã không thoát được gì. Bốn người đã chết trong vòng hăm lăm năm vừa rồi. Từ lâu, rượu là thứ lấp đầy sự trống rỗng trong cơn cuồng dại của họ, đàn ông thì ở quán, đàn bà thì ở nhà (chỉ đi út, vốn dĩ không rượu chè, vẫn còn sống). Họ chỉ còn biết vui và biết nói năng khi trong người đã có một chút men nhất định. Phần thời gian còn lại, họ nai lưng làm lụng không nói năng gì, "một công nhân tốt", một người vợ nội trợ "không có gì phàn nàn". Theo năm tháng, quen với việc chỉ còn được đánh giá dựa trên mối tương quan với rượu trong ánh mắt người khác, "tốt", "say ngất ngưỡng". Một hôm ngay trước lễ Hạ trần, tôi gặp bác M. lúc đi học về. Như mọi ngày nghỉ, bà lên phố, xách theo cái túi đựng đầy vỏ chai. Bà ôm hôn tôi mà chẳng thể nói câu nào, đứng một chỗ cũng không vững. Tôi nghĩ mình sẽ không bao giờ có thể viết như thể đã không gặp bác, ngày hôm đó.

Đối với một phụ nữ, hôn nhân là sự sống hoặc cái chết, niềm hy vọng xoay xở tốt hơn khi có hai người, hoặc chìm ngấm luôn. Vậy nên, cần phải nhận ra người đàn ông có khả năng "làm cho người phụ nữ được sung sướng". Lẽ dĩ nhiên, không phải là một gã nông dân, dẫu giàu, kẻ sẽ bắt ta phải vắt sữa bò ở một ngôi làng không có điện. Bố tôi làm việc ở nhà máy sợi, ông cao, người ngợm chín chu, một "tay ra dáng". Ông không rượu, ki cốp tiền kiếm được để dựng gia đình riêng. Tính cách ông điềm tĩnh, vui vẻ, ông hơn bà bảy tuổi (người ta không lấy một "nhóc con"! ). Vừa mỉm cười vừa đỏ mặt, bà kể: "Hỏi đó mẹ được nhiều người theo đuổi lắm, nhiều lần người ta hỏi cưới mẹ, bố con là người mẹ đã chọn." Hay nói thêm: "Trông ông ấy không có vẻ tầm thường."

Câu chuyện của bố tôi giống câu chuyện của mẹ tôi, gia đình đông con, bố đánh xe và mẹ dệt vải, thôi học năm mười hai tuổi, để đi làm đồng, người làm công ở trang trại. Nhưng anh trai cả của ông đạt được vị trí tốt trong ngành đường sắt, hai bà chị thì lấy người chào hàng của hiệu buôn. Vốn từng làm quản gia, các bác ấy biết nói năng mà không cần hét lên, bước đi nhẹ nhàng, không gây chú ý. Đã có "phẩm cách" hơn, nhưng cũng có cả khuynh hướng thích chế báng các cô gái làm nhà máy, giống mẹ tôi, mà vẻ ngoài, cử chỉ của những người đó gọi cho họ quá nhiều về cái thế giới mà họ đang trên đường từ bỏ. Đối với các bác ấy, bố tôi "lẽ ra đã có thể tìm được đám khá hơn".

Họ lấy nhau năm 1928.

Trên ảnh cưới, bà có khuôn mặt đầy đặn của Đức Mẹ, xanh xao, hai lọn tóc mai cong cong, dưới một tấm voan trùm đầu xuống tới mắt. Ngực to hông rộng, cặp chân thon (cái váy không che đi hai đầu gối). Không cười, một biểu đạt bình thản, có cái gì đó vui thích, tò mò trong ánh mắt. Còn ông, hàng ria mảnh và thất nơ bướm, trông có vẻ già hơn tuổi rất nhiều. Ông nhú mày, vẻ lo âu, có lẽ sợ bức ảnh sẽ không đẹp. Ông ôm eo bà và bà đặt tay lên vai ông. Họ đứng bên đường rìa một cái sân, cỏ mọc cao. Sau lưng họ, tán lá của hai cây táo giao nhau tạo thành vòm phía trên đầu họ. Đàng xa, có mặt tiền của một ngôi nhà một tầng. Ấy là một cảnh mà tôi có thể cảm thấy được, đất khô của con đường, những viên sỏi lộ ra, mùi của nông thôn vào đầu hè. Nhưng đó không phải mẹ tôi. Tôi có nhìn chăm chăm bức ảnh thật lâu, đến tận lúc có ảo giác là hai khuôn mặt động đậy, thì tôi vẫn chỉ thấy một phụ nữ trẻ trung da căng mịn, hơi có chút lóng ngóng trong bộ trang phục trên phim ảnh hồi những năm hai mươi. Duy cái bàn tay to nắm chặt đôi găng, cùng cái cách ngẩng cao đầu, cho tôi biết đấy chính là bà.

Về niềm hạnh phúc cùng lòng kiêu hãnh của cô dâu mới đó, tôi gần như chắc chắn được. Về những ham muốn của bà, thì tôi không biết gì. Những tối đầu - tâm sự với một bà chị - bà lên giường nằm mà vẫn mặc quần lót dưới áo sơ mi ngủ. Điều đó chẳng nói lên gì cả, ân ái chỉ diễn ra được khi không có nỗi xấu hổ, nhưng nó phải được thực hiện, à thì, khi người ta "bình thường".

Hồi mới đầu là nỗi phẫn khích được ra về bà lớn và đã yên bề gia thất, khai trương bát đĩa mới, khăn trải bàn thêu trong số đồ hồi môn, ra ngoài khoác tay "chồng mình", và những tiếng cười, những cuộc cãi cọ (bà không biết nấu ăn); những lần làm lạnh (bà không phải người hờn dỗi lâu), cảm giác về một cuộc đời mới. Nhưng tiền lương không tăng nữa. Họ phải trả tiền thuê nhà, thanh toán các hối phiếu mua đồ đạc. Họ buộc phải nhìn vào mọi thứ, xin rau bố mẹ (nhà họ không có vườn), và rút cuộc, vẫn là cuộc sống như trước. Họ sống theo kiểu khác nhau. Cả hai có cùng ham muốn thành đạt, nhưng ở ông, nhiều sợ hãi hơn trước cuộc tranh đấu phải tiến hành, nhiều cảm dỗ muốn cam chịu thân phận hơn, còn ở bà, nhiều lòng tin hơn vào việc họ chẳng có gì để mất và cần phải làm mọi việc nhằm vươn lên "bằng mọi giá". Bà kiêu hãnh vì là công nhân nhưng không đến mức chịu là công nhân mãi, bà mơ tới cuộc phiêu lưu duy nhất trong tầm với của mình: mở một cửa hàng thực phẩm. Ông đi theo bà, bà là ý chí xã hội cho cả hai.

Năm 1931, họ mua chịu một cửa hàng bán đồ uống và thực phẩm ở Lillebonne, một khu đô thị công nhân 7.000 dân, cách Yvetot hăm lăm cây số. Quán cà phê-thực phẩm khô nằm tại Vallée, vùng xe sợi có từ thế kỷ mười chín, cái công việc định hình thời gian và sự tồn tại của cư dân kể

từ lúc họ sinh ra cho đến khi chết đi. Ngày nay vẫn vậy, nói Vallée hồi trước chiến tranh cũng tức là đã nói lên tất cả, nơi tập trung những kẻ nghiện ngập và mẹ đơn thân đông đảo nhất, âm ứot rỉ ra từ những bức tường và đám nhũ nhi chết vì tiêu chảy trong vòng hai tiếng đồng hồ. Khi ấy mẹ tôi hăm lăm tuổi. Chắc hẳn bà đã trở nên là bà ở chính tại đây, với khuôn mặt ấy, những sở thích cùng lối sống ấy, những thứ mà suốt thời gian dài tôi đã tưởng vốn luôn thuộc về bà.

Tiền kiếm không đủ sống, bố tôi vào làm thuê tại các công trường xây dựng, sau đó ở một nhà máy tinh chế tại Basse-Seine, nơi ông thành đốc công. Một mình bà bán hàng.

Ngay tức khắc, bà say sưa lao vào đó, "lúc nào cũng mỉm cười", "với ai cũng nói dăm ba câu", một sự kiên nhẫn vô biên: "Mẹ sẵn sàng bán cả sỏi!" Ngay lập tức, bà uốn mình cho hợp với nỗi bần cùng công nghiệp vốn dĩ giống, nhưng trầm trọng hơn, sự bần cùng mà bà từng biết, và nhận thức rõ về tình hình, kiếm sống nhờ chính những người không kiếm sống được.

Chắc hẳn không có lấy một giây phút cho riêng mình giữa hàng thực phẩm khô, quán cà phê, bếp, nơi một đứa con gái nhỏ đã bắt đầu lớn lên, sinh ra không lâu sau khi họ đến định cư ở Vallée. Mở cửa từ sáu giờ sáng (các nữ công nhân xe sợi qua mua sữa) đến mười một giờ đêm (đám người chơi bài và bi-a), bị "quấy rầy" bất kỳ lúc nào bởi những khách đã quen với việc quay đi quay lại nhiều lần trong ngày mua hàng lật vật. Cay đắng vì chỉ kiếm được hơn tí chút so với một cô công nhân và ám ảnh vì không "thành đạt" nổi. Nhưng cũng có quyền lực nhất định - chẳng phải bà giúp các gia đình sống lay lắt được nhờ cho họ mua chịu? - niềm sung sướng được nói và được nghe - biết bao nhiêu cuộc đời được kể ở cửa hàng - tóm lại, hạnh phúc của một thế giới được mở rộng.

Và bà cũng "tiến hóa". Vì buộc phải đi khắp nơi (thuế má, tòa thị chính), gặp các nhà cung ứng và đại lý, bà học cách tự kiểm soát khi nói chuyện, bà không còn "đầu trần" ra khỏi nhà. Bà bắt đầu tự hỏi trước lúc mua một cái váy xem nó có "sang trọng" hay chẳng. Hy vọng, rồi chắc chắn không còn "nhà quê" nữa. Bên cạnh Delly và những quyển sách Công giáo của Pierre Ân sĩ, bà còn đọc Bernanos, Mauriac và những "truyện tục tĩu" của Colette. Bố tôi không tiến hóa nhanh bằng mẹ, vẫn giữ vẻ cứng nhắc rụt rè của người công nhân ban ngày, tối đến không cảm thấy mình ở đúng chỗ, ở vị trí chủ quán cà phê.

Đã có những năm đen tối thời khủng hoảng kinh tế, các cuộc đình công, Blum, người "rốt cuộc cũng vì công nhân", những đạo luật xã hội, các tiệc tùng đêm muộn tại quán cà phê, gia đình bên bà tới, phải trải nệm xuống đất khắp các phòng, rồi họ đi khỏi, mang theo những túi đựng đầy đồ dự trữ (bà dễ tính, và chẳng phải bà là người duy nhất thoát được?), những hục hặc với gia đình "bên kia". Nỗi đau. Đứa con gái nhỏ của họ hoạt bát và vui tươi. Trên một bức ảnh, trông nó lớn so với tuổi, cặp chân nhỏ xíu, hai đầu gối gò ra. Nó cười, một tay che hờ phía trên trán, để khỏi bị

chói nắng. Trên một bức khác, cạnh một cô chị họ nhận lễ ban thánh thể, nó trông nghiêm túc, nhưng những ngón tay vẫn chơi nghịch, xòe ra ở trước mặt. Năm 1938, nó qua đời vì bệnh bạch hầu ba hôm trước lễ Phục sinh. Họ chỉ muốn có một đứa con, để nó được sung sướng.

Nỗi đau được che phủ, chỉ đơn giản là sự im lặng của chúng suy nhược thần kinh, những lời cầu nguyện cùng lòng tin về một "nữ thánh nhỏ bé trên trời". Lại thêm sự sống, hồi đầu năm 1940, bà đang đợi một đứa con khác. Tôi sẽ ra đời vào tháng Chín.

\*

Giờ đây tôi thấy dường như mình đang viết về mẹ đẻ, đến lượt mình, giúp bà chào đời.

Tôi đã bắt đầu được hai tháng, bằng cách viết lên một trang giấy "mẹ tôi mất vào thứ Hai ngày 7 tháng Tư". Đó là một câu mà kể từ nay tôi có thể chịu đựng, và thậm chí có thể đọc mà không nảy ra cảm xúc khác với cảm xúc mà hẳn tôi sẽ có nếu câu đó là của một người khác. Nhưng tôi không chịu được việc đến khu phố có bệnh viện và nhà dưỡng lão, cũng như đột nhiên nhớ lại các chi tiết, mà tôi đã quên, về ngày cuối cùng bà còn sống. Thoạt tiên, tôi cứ tưởng mình sẽ viết nhanh. Trên thực tế, tôi bỏ rất nhiều thời gian tự hỏi về trật tự của những điều cần nói, lựa chọn và sắp xếp các từ, như thể có một trật tự lý tưởng, cái trật tự duy nhất có khả năng mang lại một sự thật liên quan đến mẹ tôi - nhưng tôi không biết đó là gì - và khi tôi viết, chẳng có gì khác ngoài việc tìm ra trật tự ấy là đáng kể đối với tôi.

Cuộc di tản<sup>4</sup>: bà đã đi trên các con đường tới tận Niort, cùng những người hàng xóm, bà ngủ trong các kho lúa, uống "rượu quê ở đó", rồi bà một mình đạp xe quay về, vượt qua các trạm gác của lính Đức, để ở nhà sau đó một tháng. Không sợ chút nào, và lúc về tới nơi bản thiêu đến độ bố tôi không nhận ra bà.

Dưới thời Chiếm đóng, cả Vallée thu gọn lại quanh cửa hàng thực phẩm của họ, trong niềm hy vọng kiếm được đồ ăn. Bà cố công nuôi mọi người, nhất là các gia đình đông con, ham muốn của bà, niềm kiêu hãnh của bà là làm người tốt bụng và hữu dụng. Trong những cuộc oanh tạc, bà không muốn nấu vào các nơi trú ẩn tập thể trên sườn đồi, vì thà "chết ở nhà" còn hơn. Buổi chiều, giữa hai lượt báo động, bà cho tôi lên xe nôl đẩy đi dạo ngoài đường nhằm giúp tôi cứng cáp. Ấy là thời của tình bạn dễ dàng, trên băng ghế công viên bà giao lưu với những phụ nữ trẻ tuổi chùng

---

<sup>4</sup> Tức cuộc di tản diễn ra rầm rộ ở Bỉ, Hà Lan, Luxembourg và các tỉnh miền Bắc nước Pháp vào tháng Năm-tháng Sáu năm 1940 sau trận Sedan. Đây là một trong những cuộc di tản lớn nhất châu Âu trong thế kỷ 20. (BT)

mực ngòi đan trước bãi cát trẻ con chơi, trong lúc bố tôi trông cửa hàng trống rỗng. Người Anh, người Mỹ tràn vào Lillebonne. Xe tăng băng ngang Vallée, ném sô cô la và các gói bột cam, người ta nhặt lấy chúng lẫn trong bụi, tối nào quán cà phê cũng đông chật lính tráng, thỉnh thoảng có ẩu đá, nhưng có cả tiệc tùng, và biết nói shit for you. Sau đó, bà kể lại những năm chiến tranh như một cuốn tiểu thuyết, cuộc phiêu lưu lớn của đời bà. (Bà từng rất thích Cuốn theo chiều gió.) Có lẽ, trong nỗi bất hạnh chung, đó như một sự ngưng lại trong cuộc tranh đấu để thành đạt, kể từ nay chẳng còn ích gì nữa.

Người phụ nữ của những năm ấy đẹp, tóc nhuộm màu hung. Giọng bà to, âm vực rộng, thường hét ở một tông khùng khiếp. Bà cũng cười rất nhiều, tiếng cười khàn khạc từ cổ họng làm lộ hết cả răng và lợi. Bà vừa là quân áo vừa hát, Mùa anh đào, Riquita đóa hoa xinh đẹp của Java, bà đội khăn turban, mặc váy mùa hè sọc xanh, một cái khác màu be, mềm và xếp li. Bà dùng nùi thoa phấn trang điểm trước tấm gương treo phía trên bồn rửa, thoa son lên môi, bắt đầu bằng hình trái tim nhỏ ở chính giữa môi, bôi nước hoa vào sau tai. Để gài nịt ngực, bà quay người vào tường. Làn da bà lộ ra giữa những sợi dây giao nhau, bên dưới thắt lại bằng nơ và núm hình hoa. Chẳng gì trên cơ thể bà vượt khỏi mắt tôi. Tôi tin lúc nào lớn tôi sẽ giống bà.

Một Chủ nhật, họ đi picnic ven một sườn dốc, gần một cánh rừng. Kỷ niệm về việc ở giữa họ, trong một cái tổ của những giọng nói và của da thịt, của những tiếng cười không ngọt. Lúc quay về, chúng tôi bị kẹt trong trận oanh tạc, tôi ngồi trên gióng xe đạp của bố tôi còn mẹ xuống dốc phía trước chúng tôi, người thẳng tắp trên cái yên lún sâu vào cặp mông. Tôi sợ những quả trái phá và sợ mẹ chết. Tôi thấy dường như cả hai chúng tôi đều yêu mẹ.

Năm 1945, họ rời Vallée, ở đó tôi ho không ngừng và không lớn được do sương mù, và quay về Yvetot. Thời hậu chiến khó sống hơn so với trong chiến tranh. Những lệnh hạn chế vẫn tiếp tục và đám "làm giàu từ chợ đen" nổi lên. Trong khi chờ đợi mở một cửa hàng khác, bà thường đưa tôi đi dạo chơi ở các phố của trung tâm bị tàn phá, hai bên toàn những đống đổ nát, dẫn tôi tới cầu nguyện tại nhà nguyện được đặt trong một sân khấu biểu diễn, tạm thay thế cho nhà thờ đã bị cháy. Bố tôi đi lắp các hố bom, họ sống trong căn hộ hai phòng không có điện, với những thứ đồ đạc đã tháo gỡ xếp dựa vào tường.

Ba tháng sau, bà sống lại, trở thành bà chủ của một quán cà phê-hàng thực phẩm nửa quê nửa phố, tại một khu phố thoát được chiến tranh, cách biệt với trung tâm. Chỉ có một căn bếp nhỏ xíu và, trên tầng, một phòng ngủ cùng hai gian hầm mái, để ăn và ngủ mà không bị khách nhìn thấy. Nhưng có một sân lớn, các gian lán để củi, cỏ khô và rom, một máy ép, và nhất là khách khứa luôn trả đôi tiền. Vừa phục vụ ở quán cà phê, bố tôi vừa làm vườn, nuôi gà và thỏ, làm rượu táo bán

cho khách. Sau khi làm công nhân hai mươi năm, ông quay về với lối sống gần như nông dân. Bà phụ trách hàng thực phẩm khô, các đơn hàng và sổ sách, nắm giữ tiền bạc. Dần dà họ tới được một vị thế cao hơn so với những công nhân xung quanh, chẳng hạn trở thành chủ sở hữu những bức tường của quán và một ngôi nhà một tầng nhỏ bé liền kề.

Những mùa hè đầu, vào ngày nghỉ, khách cũ ở Lillebonne đến thăm họ, đi cả nhà, bằng xe ca. Họ ôm hôn nhau và khóc. Họ kê bàn cà phê chụm lại để ăn uống, họ hát và nhắc về thời Chiếm đóng. Rồi đến đầu những năm năm mươi, họ thôi không tới nữa. Bà bảo, "đó là quá khứ, cần phải tiến về phía trước".

\*

Các hình ảnh về bà, thời kỳ giữa bốn mươi và bốn mươi sáu tuổi: một sáng mùa đông, bà cả gan bước vào lớp đòi cô giáo tìm cho ra cái khăn len đắt tiền mà tôi đã để quên ở nhà vệ sinh (tôi đã biết giá từ lâu).

một mùa hè, ở bờ biển, bà bắt vẹm ở Veules-les-Roses, cùng cô em dâu trẻ hơn. Váy của bà, màu tím hoa cà sọc đen, vén cao và buộc ở đằng trước. Nhiều lần, họ đi uống rượu khai vị và ăn bánh ngọt tại một quán cà phê dựng trong dẫy lán gần bãi biển, họ cười đùa không ngừng.

ở nhà thờ, bà lớn giọng hát thánh vịnh cho Đức Mẹ, Rồi một ngày con sẽ lên gặp người trên trời, trên trời. Điều này khiến tôi thấy muốn khóc và tôi ghét bà.

bà có những cái váy màu tươi và một bộ đồ đen "lám tấm hạt", bà hay đọc Những tâm tình và tạp chí Thời trang trong ngày. Bà để mấy cái khăn vệ sinh lấm máu vào góc gian áp mái, cho đến thứ Ba, ngày giặt giũ.

những lúc tôi nhìn bà nhiều quá, bà nổi nóng, "con muốn mua chuộc mẹ đấy à?".

chiều Chủ nhật, bà nằm ngủ trong bộ đồ lót một mảnh, chân đi tất dài. Bà mặc cho tôi leo lên giường nằm bên cạnh. Bà thiếp ngủ rất nhanh, còn tôi thì đọc sách, nép sát vào lưng bà.

tại một bữa ăn dịp lễ ban thánh thể, bà say rượu và nôn ra cạnh tôi. Sau đó, mỗi lần tiệc tùng, tôi lại giám sát cánh tay bà đặt trên mặt bàn, cầm cái cốc, hết sức mong bà không nâng nó lên.

Bà đã trở nên rất khỏe, tám mươi chín kí lô. Bà ăn nhiều, lúc nào cũng nhét các mẩu đường vào túi áo khoác. Để giảm cân, bà đi mua thuốc tại một hiệu thuốc ở Rouen, giấu không cho bố tôi biết. Bà kiêng bánh mì, bơ, nhưng chỉ giảm được mười cân.

Bà thường sập cửa mạnh tay, nện ghé ầm ầm lúc xếp chồng chúng lên bàn để quét tước. Bà làm gì cũng gây ồn ào. Bà không đặt các thứ đồ xuống, mà như thể ném chúng.

Chỉ cần nhìn mặt bà, người ta thấy ngay bà có đang bị trái ý hay không. Trong gia đình, bà nghĩ gì nói nấy bằng những lời lẽ cộc cằn. Bà gọi tôi là lạc đà, đồ giẻ rách, con đĩ, hoặc chỉ đơn giản là "đồ khó ưa". Bà hay đánh tôi, nhất là tát, đôi khi đấm vào vai ("tôi sẵn sàng giết nó nếu không phải đi tù!"). Năm phút sau, bà đã ôm chặt tôi vào lòng, gọi tôi là "búp bê" của bà.

Bà tặng tôi đồ chơi và sách nhân bất kỳ dịp gì, lễ, ốm, vào phở. Bà đưa tôi đi khám răng, khám phế quản, bà lo sao mua được cho tôi giày tốt, quần áo ấm, mọi đồ dùng học tập mà cô giáo yêu cầu (bà cho tôi vào trường nội trú, chứ không phải trường của xã). Chẳng hạn, khi tôi kể là một bạn cùng lớp có một cái bằng không vỡ, ngay tắp lự bà hỏi tôi xem có muốn một cái giống thế không: "Mẹ không muốn người ta bảo con kém cạnh bọn khác." Ham muốn sâu sắc nhất của bà là cho tôi tất cả những gì bà từng không có. Nhưng đối với bà điều này đồng nghĩa với nỗ lực làm việc rất lớn, rất nhiều mối lo âu về tiền bạc, và mối bận tâm về hạnh phúc của bọn trẻ con, hết sức mới mẻ trong tương quan với giáo dục xưa kia, đến nỗi bà không thể tự ngăn mình nhận xét: "Con khiến bố mẹ tốn kém nhiều quá." hoặc "Có bằng đấy thứ rồi mà con vẫn còn chưa thấy sung sướng!"

Tôi đang tìm cách không coi sự dữ dằn, những vọt trào âu yếm, những trách móc của mẹ tôi chỉ như các nét tính cách cá nhân, mà cũng đặt chúng vào lịch sử của bà, cùng điều kiện xã hội của bà. Cách viết này, mà tôi thấy dường như đi đúng hướng của sự thật, giúp tôi ra khỏi nỗi cô đơn cùng sự tối tăm của kỷ niệm cá nhân, nhờ khám phá được một ý nghĩa chung hơn. Nhưng tôi cảm thấy trong tôi có điều gì đó kháng cự lại, muốn lưu giữ các hình ảnh thuần túy thuộc tình cảm của mẹ tôi, sự nồng ấm hay những giọt nước mắt, mà không cấp nghĩa cho chúng

Bà là một người mẹ buôn bán, tức là trước hết bà thuộc về những người khách "nuôi sống" chúng tôi. Quầy rầy bà trong lúc bà bán hàng (những lần đợi đằng sau cánh cửa ngăn cửa hàng với bếp, để xin chỉ tiêu, xin phép đi chơi, v.v.) bị cấm ngặt. Nếu nghe thấy ồn ào quá mức, bà liền xuất hiện, lẳng lặng cho một cái bạt tai rồi lại quay ra bán hàng. Bà bắt tôi tuân thủ các nguyên tắc đối với khách mua hàng từ rất sớm - chào hỏi to đõng dạc, không ăn, không cãi cọ trước mặt khách, không chỉ trích bất kỳ ai - cũng như bắt tôi cảnh giác với họ, không bao giờ tin những gì họ kể lể, kín đáo giám sát họ những khi chỉ có mình họ trong cửa hàng. Bà có hai khuôn mặt, một cho khách hàng, một cho chúng tôi. Nghe tiếng chuông cửa, bà liền bước lên sàn diễn, tươi cười, giọng đầy kiên nhẫn đáp lại những câu hỏi thủ tục về sức khỏe, con cái, khu vườn. Quay trở vào bếp, nụ cười tan biến, bà đờ ra một lúc không nói gì, bị kiệt sức bởi cái vai diễn hội tụ cả vui sướng hân hoan



và nổi chua cay vì phải bày ra ngàn ấy nỗ lực cho những người mà bà ngờ là sẵn sàng rời bỏ bà nếu họ "tìm được chỗ khác bán rẻ hơn".

Áy là một bà mẹ mà ai cũng biết, nhìn chung là có tính cách công cộng. Ở trường nội trú, những lúc tôi bị gọi lên bảng: "Nếu mẹ em bán mười gói cà phê với giá" và cứ thế (rất hiển nhiên, không bao giờ có ví dụ này, cũng chân thực như vậy, "nếu mẹ em rót ba cốc rượu khai vị với giá").

Không bao giờ bà có thời gian, để nấu ăn, dọn dẹp nhà cửa "như cần phải thế", cái khay rụng được khâu lại lên áo tôi ngay trước giờ đến trường, bà là áo sơ mi trên một góc bàn rồi mặc luôn lên người. Năm giờ sáng, bà cọ sàn đá hoa và dỡ hàng hóa, mùa hè bà giã cỏ cho mấy bồn trồng hoa hồng, trước giờ mở cửa hàng. Bà làm việc mạnh mẽ và mau chóng, lấy làm kiêu hãnh hơn cả về những việc nặng, tuy thế vẫn cầu nhàu khi làm những việc ấy, giặt đồ vải vóc to, cọ sàn phòng ngủ bằng búi sắt. Đối với bà, không thể nào có chuyện nghỉ ngơi và đọc sách mà không kèm một lời biện minh, như "tôi xứng đáng được ngồi xuống" (và nữa, bà giấu phơi ơ tông, bị một bà khách ngắt ngang, dưới chõng quần áo cần vá). Những cãi cọ giữa bố và mẹ chỉ có độc một chủ đề, lượng công việc họ thực hiện so với người còn lại. Bà phản đối, "tôi mới là người làm mọi việc ở đây".

Bố tôi chỉ đọc tờ báo của vùng. Ông từ chối đi đến những nơi ông không cảm thấy "ở đúng chỗ" và về nhiều điều, ông bảo chúng không dành cho ông. Ông yêu quý khu vườn, thích chơi domino, đánh bài, sửa chữa lật vặt. Ông chẳng mấy quan tâm đến việc "nói hay" và ông tiếp tục dùng các lối nói thô ngữ. Mẹ tôi thì cố công tránh các lỗi tiếng Pháp, không nói "chồng tôi" mà "nhà tôi". Thỉnh thoảng bà đánh bạo đưa vào trò chuyện các cách nói mà người ta không quen, những cách nói mà bà đã đọc được hay nghe được từ những "người cao sang". Về do dự của bà, thậm chí về mặt ửng đỏ của bà, vì sợ nhảm, những tiếng cười nhạo của bố tôi sau đó, chế mẹ tôi dùng "lời lẽ đao to búa lớn". Một khi đã tự tin, bà thích nhắc lại chúng, vừa nói vừa mỉm cười nếu đó là các lối so sánh mà bà cảm thấy nhiều chất văn chương ("anh ta ruột để ngoài da!" hoặc "chúng ta chỉ là lũ chim trên đường di cư...") như nhằm giảm nhẹ về tự phụ trong miệng bà. Bà thích "đẹp", "ăn mặc đom", cửa hàng Printemps, "chic"<sup>5</sup> hơn so với Nouvelles Galeries. Lẽ dĩ nhiên, bà cũng như ông, đều ngây ngất trước những tấm thảm và bức tranh tại phòng khám của bác sĩ nhãn khoa, nhưng bà lúc nào cũng muốn vượt qua vẻ ngượng ngập của mình. Một trong những câu bà hay nói là: "Tôi có ngại gì đâu" (khi làm việc này hay việc khác). Trước những lời nhận xét của bố tôi về một trang phục mới, về việc bà trang điểm kỹ trước khi ra ngoài, bà gay gắt đáp lại: "Cần phải cho ra gì chứ!"

<sup>5</sup> Phong cách ăn mặc thanh lịch.

Bà muốn biết: các quy tắc của phép xử thế (vô cùng e sợ hụt mắt chúng, luôn thấy không chắc chắn về cách dùng chúng), những gì được làm ra, các thứ mới mẻ, tên những nhà văn lớn, các bộ phim mới được chiếu (nhưng bà không bao giờ đến rạp chiếu phim, vì không có thời gian), tên các loài hoa trong các khu vườn. Bà chăm chú lắng nghe tất cả những ai nói về những điều mà bà không biết, vì tò mò, do muốn tỏ ra là mình biết tiếp thu kiến thức. Vươn lên, đối với bà, trước hết là học (bà hay bảo, "cần phải lấp đầy trí óc") và chẳng gì đẹp hơn hiểu biết. Chỉ sách thì bà mới nâng niu. Bà rửa tay trước khi sờ vào chúng.

Bà theo đuổi ham muốn học hỏi ấy thông qua tôi. Tối đến, bên bàn, bà hỏi tôi về trường học, về những gì người ta dạy tôi, về các giáo viên. Bà thích dùng các cách nói của tôi, "giải lao", "sáng tác" hay "thể dục". Bà thấy hết sức bình thường những lúc tôi "chỉnh" bà một "từ dùng sai". Bà không còn hỏi tôi có muốn "lót dạ" không mà nói "thương thức". Bà dẫn tôi đến Rouen thăm thú các công trình lịch sử và viện bảo tàng, đến Villequier thăm mộ gia đình Hugo. Lúc nào cũng sẵn sàng ngưỡng mộ. Bà đọc những cuốn sách mà tôi đọc, được ông chủ hiệu sách khuyên. Nhưng cũng đôi khi lướt qua tờ *Con nhím* mà một vị khách bỏ quên và cười rộ: "Ngớ ngẩn quá, thế mà có người vẫn đọc!" (Lúc cùng tôi đi thăm bảo tàng, có lẽ bà không cảm thấy sung sướng khi ngắm những cái bình Ai Cập bằng niềm kiêu hãnh được đẩy tôi về phía tri thức cùng khiêu thưởng thức mà bà biết chúng thuộc về những người có giáo dục cao. Các hài cốt được lưu giữ tại vương cung thánh đường, Dickens và Daudet thay vì *Những tâm tình*, đến một hôm bị bỏ mặc, ấy chắc hẳn vì hạnh phúc của tôi hơn là vì hạnh phúc của bà.)

Tôi nghĩ bà vượt trên bố tôi, vì đối với tôi bà ở gần các cô giáo hơn so với ông. Mọi điều ở bà, uy quyền của bà, các ham muốn cùng tham vọng của bà, đều đi theo hướng trường học. Giữa chúng tôi có đồng thuận quanh việc đọc, về những bài thơ mà tôi đọc cho bà nghe, những cái bánh ngọt tại phòng trà ở Rouen, những điều ông bị loại ra khỏi. Ông dẫn tôi đi hội chợ, xem xiếc, xem những bộ phim của Fernandel, ông dạy tôi đi xe đạp, dạy tôi nhận biết các loại rau trồng trong vườn. Với ông tôi giải trí, với bà tôi "trò chuyện". Giữa hai người họ, bà là hình tượng thống trị, là luật

\*

Có những hình ảnh cảm xúc hơn về bà, ở độ tuổi sắp năm mươi. Vẫn rất nhanh nhẹn và khỏe, hào phóng, tóc vàng hoặc hung, nhưng với khuôn mặt thường xuyên phật ý những lúc bà không buộc lòng phải mỉm cười với khách. Xu hướng dùng một sự cố hay một suy nghĩ tầm phào để trút cạn

con giận dữ về điều kiện sống của họ (buôn bán nhỏ lẻ trong khu phố bị đe dọa trước các cửa hàng mới tại khu trung tâm thành phố đã được tái thiết), nổi đóa với các anh chị em bà. Sau khi bà tôi mất, bà để tang rất lâu và đâm ra có thói quen đi lễ mi xa trong tuần, từ sớm. Cái gì đó "mang tính thơ mộng" ở bà đã tan biến.

1952. Mùa hè năm bà bốn mươi sáu tuổi. Chúng tôi đi xe ca đến Étretat trong ngày. Bà leo lên vách đá xuyên qua đám cỏ, trong cái váy lụa kép màu lam đậm nhiều bông hoa lớn, bà thay nó đằng sau các tảng đá cho bộ đồ tang, mặc từ lúc lên đường cho vừa mắt người trong khu phố. Bà lên đến đỉnh núi sau tôi, thở hồn hển, khuôn mặt nhầy mờ hôi dưới lớp phấn. Bà không còn thấy kinh nguyệt từ cách đây hai tháng.

Đến tuổi thiếu niên, tôi tách khỏi bà và giữa chúng tôi chỉ còn tranh đấu.

Trong cái thế giới hồi trẻ của bà, đến cả ý tưởng về tự do của các cô gái cũng không được đặt ra, có chăng thì chỉ bằng những từ nguyên rủa. Người ta chỉ nhắc tới tình dục theo cái lối nhả nhớt bị cấm ngặt đối với "đôi tai trẻ" hoặc theo đánh giá xã hội, có hạnh kiểm tốt hay tồi. Bà không bao giờ nói gì với tôi và tôi thì chẳng hề dám hỏi bà bất kỳ điều gì, vì hiếu kỳ đã bị coi là khởi đầu của thói tật. Thời điểm phải thú nhận với bà là tôi có kinh khiến tôi hoảng sợ, nói từ đó lần đầu tiên trước mặt bà, và vẻ ngượng ngùng của bà lúc chìa cho tôi một tấm gạc, mà chẳng hề giải thích cách dùng như thế nào.

Bà không thích chứng kiến tôi lớn lên. Những khi bà trông thấy tôi thay quần áo, dường như cơ thể tôi khiến bà chán ghét. Chắc hẳn, có ngực có hông đồng nghĩa một mối đe dọa, rằng tôi sẽ mãi mê theo lũ con trai và không còn ngó ngàng tới việc học hành nữa. Bà tìm cách giữ tôi bé mãi, bảo rằng tôi mới mười ba khi một tuần nữa là tôi tròn mười bốn, bắt tôi mặc chân váy xếp li, đi tất ngắn cùng giày bệt. Cho đến tận năm mười tám tuổi, gần như tất cả những cái vớ của chúng tôi đều xoay quanh lệnh cấm đi chơi, việc lựa chọn quần áo (ý muốn của bà được nhắc đi nhắc lại, chẳng hạn, là tôi phải khoác áo ngoài, "như vậy mới đẹp"). Bà lên cơn giận dữ rất lạch lạch, ở vẻ ngoài, trước chủ đề: "DẤU THÉ NÀO con cũng không nên mặc thế đi ra ngoài" (với cái váy này, với kiểu tóc kia, v.v.) nhưng tôi lại thấy rất bình thường. Cả hai chúng tôi đều biết mình bám riết vào đâu: bà, vào ham muốn lấy lòng bọn con trai ở tôi, còn tôi, vào nỗi ám ảnh của bà về chuyện "tôi sẽ gặp tai ương", tức là ngủ với bất kỳ ai và có thai.

Thỉnh thoảng, tôi từng hình dung rằng cái chết của bà hẳn sẽ chẳng hề hấn gì tới tôi.

\*

Trong lúc viết, tôi trông thấy lúc thì bà mẹ "tốt", khi lại bà mẹ "tồi". Để thoát khỏi sự dao động xuất phát từ sâu thẳm tuổi thơ ấy, tôi tìm cách miêu tả và giải thích như thể đây là một bà mẹ khác và một cô con gái vốn dĩ không phải tôi. Vậy nên, tôi viết theo lối trung tính hết mức có thể, nhưng một số cụm từ ("nhỡ con gặp tai ương thì sao!") không sao mà trung tính nổi đối với tôi, giống những cụm từ khác, trừu tượng, hẳn có thể ("sự chối từ của cơ thể và dục tình" chẳng hạn). Lúc nhớ lại chúng, tôi vẫn cảm thấy nản chí y hệt hồi mười sáu tuổi và, hết sức thoáng qua, tôi chấp người phụ nữ đã in dấu sâu đậm nhất trong đời mình với các bà mẹ châu Phi giữ chặt hai cánh tay quặt ra sau lưng đứa con gái nhỏ, trong lúc bà mụ cắt âm vật.

Bà đã thôi là mẫu hình của tôi. Tôi trở nên nhạy cảm với hình ảnh nữ tính mà tôi thấy trên tờ *Tiếng vọng nhỏ của thời trang* và không khác mấy so với mẹ của lũ bạn học tiểu tư sản của tôi ở trường nội trú: mảnh dẻ, kín đáo, biết nấu ăn và gọi con gái họ là "con yêu". Tôi thấy mẹ tôi cứ lộ liễu. Tôi quay mặt đi không nhìn những lúc bà kẹp một chai rượu vào giữa đùi để mở nút. Tôi xấu hổ vì cách thức nói năng chông lòn của bà, cách cư xử của bà, và càng xấu hổ hơn nữa vì tôi cảm thấy mình giống bà quá mức. Tôi trách móc bà vì bà là những gì mà tôi đang tìm cách từ bỏ trong lúc di cư sang một môi trường khác. Và tôi phát hiện ra có cả một vực thẳm giữa ham muốn học hỏi và thực tế là người có học. Mẹ tôi cần từ điển để nói Van Gogh là ai, còn các nhà văn lớn thì bà chỉ biết đọc cái tên. Bà không hay biết việc học hành của tôi vận hành như thế nào. Tôi đã quá ngưỡng mộ bà nên không thể trách bà, hơn là trách bố tôi, vì không thể đồng hành cùng tôi, vì để tôi lại không chỗ bấu víu trong thế giới học đường và đám bạn gái có tủ sách ở phòng khách, chỉ có thể trao tôi hành trang là nỗi lo lắng cùng sự ngờ vực của bà, "con đi với đứa nào, ít nhất thì con cũng học bài đấy chứ."

Chúng tôi nói với nhau bằng tông giọng cãi vã trong mọi hoàn cảnh. Tôi lấy im lặng ra đối lại các toan tính của bà nhằm duy trì mối thông hiểu cũ ("người ta có thể nói mọi điều với mẹ mình") kể từ nay đã không còn: nếu tôi nói với bà về những ham muốn không liên quan gì tới chuyện học hành (các chuyến đi xa, thể thao, vũ hội) hoặc tranh luận chính trị (hồi đó là chiến tranh Algérie), thì thoạt tiên bà lắng nghe đầy sung sướng, thấy hạnh phúc vì tôi chọn bà để giải bày, rồi dùng một cái, rất dữ dội: "Thôi mơ mộng đến tất cả những cái đó đi, học hành là trên hết."

Tôi bắt đầu khinh bỉ các quy ước xã hội, thực hành tôn giáo, tiền. Tôi chép lại những bài thơ của Rimbaud và Prévert, tôi dán ảnh James Dean lên bìa vở, tôi nghe Tai tiếng của Brassens, tôi buồn chán. Tôi trải qua cơn nổi loạn tuổi thiếu niên của mình theo lối lãng mạn như thể bố mẹ tôi là tư sản. Tôi tự đồng hóa mình với những nghệ sĩ không được ai hiểu. Đối với mẹ tôi, nổi loạn chỉ có độc một ý nghĩa, từ chối cái nghèo, và chỉ một hình thức duy nhất, làm lụng, kiếm tiền và

trở nên cũng được như những người khác. Từ đó mà có lời trách chua chát sau, điều mà tôi không hiểu, cũng giống như việc bà không hiểu thái độ ở tôi: "Nếu bị quăng vào làm trong nhà máy khi mới mười hai tuổi, con sẽ không như vậy. Con sướng mà không biết đường sướng." Và nữa, rất thường xuyên, cái suy nghĩ chất đầy giận dữ ấy hướng về phía tôi: "Nó đi học trường nội trú đấy, nhưng chẳng được cái gì hơn bọn khác."

Vào một số khoảnh khắc, bà có một kẻ thù giai cấp ở trước mặt, trong cái lót con gái bà.

Tôi chỉ mơ đến chuyện đi khỏi. Bà đã chấp nhận để tôi đi Rouen học trung học, sau đó thì London. Sẵn sàng hy sinh mọi thứ sao cho tôi có cuộc đời khá hơn đời bà, thậm chí hy sinh cả điều lớn nhất, là tôi rời khỏi bà. Xa khỏi ánh mắt bà, tôi đã xuống tận đáy những gì bà từng cấm tôi, rồi tôi ăn lấy ăn để, rồi tôi nhịn ăn suốt nhiều tuần đến tận mức lả đi, trước khi biết mình được tự do. Tôi đã quên hết xung đột của mẹ con tôi. Là sinh viên văn khoa, tôi có một hình ảnh đã được thanh lọc về bà, không có cả tiếng la hét lẫn bạo lực. Tôi chắc chắn về tình yêu của bà và về nỗ lực công đó: bà phục vụ khoai tây và sữa từ sáng đến tối để tôi được ngồi trên giảng đường mà nghe giảng về Plato.

Tôi sung sướng khi gặp lại bà, tôi không nhớ bà. Tôi quay về ở bên bà chủ yếu vào những lúc tôi khổ sở do mấy chuyện tình cảm mà tôi không thể kể cho bà, ngay cả khi, giờ đây, bà thì thảo tâm sự với tôi về những giao du cùng cú sẩy thai của một cô gái nào đó: như thể đã được thỏa thuận rằng tôi đã tới tuổi nghe những chuyện đó nhưng chúng sẽ không bao giờ liên quan gì đến tôi.

Những lúc tôi về, bà thường đang ngồi sau quầy. Các bà khách ngoái đầu nhìn. Bà hơi đỏ mặt và mỉm cười. Chúng tôi chỉ ôm hôn nhau trong bếp, chùng nào bà khách cuối cùng đã đi. Những câu hỏi về chuyện đi đường, chuyện học và "đưa mẹ quần áo để mẹ giặt", "mẹ đã giữ cho con tất cả báo kể từ lúc con đi". Giữa chúng tôi, là sự tử tế, gần như là sự rụt rè của những người không còn sống chung. Suốt nhiều năm, tôi chẳng có gì với bà ngoài những lần trở về.

Bố tôi đã được phẫu thuật dạ dày. Ông rất nhanh mệt và không còn đủ sức khiêng đồng thùng nữa. Bà bèn phụ trách việc đó và làm việc cho cả hai mà chẳng phàn nàn gì, gần như còn hài lòng. Kể từ khi tôi không còn ở đó, họ bớt cãi nhau, bà xích lại gần ông, hay gọi ông là "bố nó" đầy trêu mến, dễ tính hơn với những thói quen của ông, như hút thuốc, "thì ông ấy cũng phải có chút niềm vui chứ". Các Chủ nhật mùa hè, họ lái xe ô tô dạo chơi ở vùng quê hoặc đến thăm các anh chị em họ. Mùa đông, bà đi dự lễ tối rồi đến chào những người già. Bà đi về qua trung tâm thành phố, chùng chình nán lại xem ti vi dưới một gian hàng nơi giới trẻ tụ tập khi từ rạp chiếu phim ra.

Khách hàng vẫn còn nói là bà thật đẹp. Vẫn mái tóc nhuộm, giày cao gót, nhưng cảm đã mọc nhiều lông tơ, mà bà giấu giếm đốt, cặp kính hai tròng. (Niềm thích thú, nổi sung sướng bí mật của bố tôi khi thấy bà đuổi kịp những năm tháng cách biệt tuổi tác với ông qua những dấu hiệu ấy.) Bà không còn mặc những cái váy mỏng chói màu nữa, mà chỉ mặc các bộ đồ màu ghi hay đen, kể cả mùa hè. Để thoải mái hơn, bà không sơ vin áo sơ mi vào trong chân váy.

Tới tận năm tuổi hai mươi, tôi vẫn nghĩ chính tôi là người khiến bà già nhanh.

Người ta không biết tôi đang viết về bà. Nhưng tôi không viết về bà, đúng hơn tôi có cảm giác đang sống cùng bà trong một thời gian, tại các địa điểm, mà ở đó bà vẫn sống. Thỉnh thoảng, ở nhà, tôi tình cờ bắt gặp các thứ đồ vật từng thuộc về bà, hôm kia là cái đê khâu, mà bà đeo lên ngón tay bị queo do một cái máy, ở nhà máy sợi. Ngay lập tức cảm giác về cái chết của bà ngập tràn trong tôi, tôi đang ở trong thời gian thật nơi bà sẽ không bao giờ còn nữa. Trong những điều kiện ấy, "ra" một cuốn sách không có ý nghĩa, trừ phi là ý nghĩa về cái chết chung quyết của mẹ tôi. Có ham muốn rửa xả những ai mỉm cười hỏi tôi, "chùng nào thì bà có sách mới?"

Ngay cả sống xa bà, chùng nào còn chưa lấy chồng, tôi vẫn thuộc về bà. Trong gia đình, với khách, ai hỏi về tôi là bà đáp: "Nó đến tuổi lấy chồng được rồi đấy. Ở tuổi đấy là còn chưa lỡ đâu", rồi kêu lên ngay tiếp sau: "tôi không muốn giữ nó làm gì. Lấy chồng sinh con, đấy là cuộc đời". Bà run lên và đỏ lựng mặt khi một mùa hè nọ tôi báo cho bà dự định kết hôn với một sinh viên ngành khoa học chính trị ở Bordeaux, bà tìm cách ngăn cản, tìm lại được nỗi ngờ vực thuần nông dân dẫu bà coi đó là lạc hậu: "Cậu ta không phải người ở đây." Rồi, bà bình tĩnh lại, thậm chí thấy hài lòng, ở cái thành phố nhỏ nơi hôn nhân lập dựng một điểm quy chiếu chính yếu nhằm định vị mọi người, hẳn người ta sẽ không thể nói rằng tôi đã "chọn một tay công nhân". Một hình thức đồng lõa mới hội tụ chúng tôi lại với nhau quanh những thìa đĩa, xoong chảo sẽ cần mua, các chuẩn bị cho "ngày trọng đại", rồi sau đó là quanh những đứa con. Sẽ không còn sự đồng lõa nào nữa giữa chúng tôi.

Chồng tôi và tôi, chúng tôi có cùng trình độ học vấn, chúng tôi thảo luận về Sartre và về tự do, chúng tôi đi xem *L'Avventura* của Antonioni, chúng tôi có chung quan điểm chính trị tả phái, chúng tôi không xuất thân từ cùng một thế giới. Trong thế giới của ông ấy, người ta không hẳn là giàu, nhưng người ta đi học đại học, người ta bày tỏ tốt ý kiến về mọi điều, người ta chơi bài bridge. Mẹ chồng tôi, bằng tuổi mẹ tôi, có thân hình vẫn còn mảnh dẻ, khuôn mặt nhăn căng, hai bàn tay được chăm chút cẩn thận. Bà biết mảy mò mọi bản nhạc cho piano và "tiếp khách" (típ phụ nữ mà ta

hay thấy trong các tiểu phẩm hài trên ti vi, tuổi ngũ tuần, đeo vòng cổ ngọc trai trên áo khoác lụa, "ngây thơ tuyệt diệu").

Đối với thế giới đó, mẹ tôi bị phân đôi giữa lòng ngưỡng mộ mà nền giáo dục tốt, sự thanh lịch cùng văn hóa gợi hứng thú cho bà, niềm kiêu hãnh được thấy con gái mình thuộc về đó và nỗi sợ bị khinh miệt, bên dưới vẻ ngoài của sự lịch thiệp cao nhã. Toàn bộ chùng mực của cảm giác phần nộ ở bà, niềm phần nộ mà bà không tách tôi ra khỏi (có lẽ cần thêm một thế hệ nữa mới xóa hẳn đi được), nằm trong cái câu bà nói với tôi hôm trước đám cưới: "Cố mà chăm lo gia đình cho tốt, đừng để nó *đuối* con." Và, khi nhắc tới mẹ chồng tôi, cách đây vài năm: "Người ta thấy rõ là người phụ nữ đó không được nuôi dạy như *chúng ta*."

Sợ không được yêu quý vì chính bản thân mình, bà hy vọng được yêu quý vì những gì bà cho đi. Bà đã muốn giúp tiền chúng tôi trong năm học cuối, về sau thì lúc nào cũng lo lắng đến những gì làm chúng tôi vui thích khi có được. Gia đình kia thì có khiếu hài hước, độc đáo, họ không nghĩ mình bị buộc phải làm gì.

Chúng tôi đi Bordeaux, rồi Annecy, nơi chồng tôi kiếm được một chức vị trong ngạch hành chính. Giữa các bài giảng tại một trường trung học trên núi cách bốn mươi cây số, một đứa con và căn bếp, đến lượt mình tôi trở thành người phụ nữ không có thời gian. Tôi chẳng mấy khi nghĩ tới mẹ tôi, bà cũng đã xa xôi như cuộc đời tôi trước đám cưới. Tôi trả lời ngắn gọn các bức thư bà gửi cho chúng tôi, cứ hai tuần một lần, chúng thường bắt đầu bằng "các con vô cùng yêu quý", và trong thư bà không ngừng thấy tiếc vì ở quá xa không giúp gì cho chúng tôi được. Tôi gặp lại bà mỗi năm một lần, vài ngày trong hè. Tôi miêu tả Annecy, căn hộ, các khu trượt tuyết. Với bố tôi, bà nhận định, "các con ồ, đây là điều chính yếu". Khi chỉ có hai mẹ con, dường như bà muốn tôi tâm sự cho bà nghe về chồng tôi và mối quan hệ của tôi với chồng, bà thất vọng, do tôi im lặng, vì không thể trả lời cái câu hỏi hẫng đã ám lấy bà hơn hẫng mọi điều, "ít nhất thì nó cũng làm con hạnh phúc chứ?".

Năm 1967, bố tôi qua đời do đau tim, trong vòng bốn ngày. Tôi không thể miêu tả những khoảnh khắc đó vì tôi đã làm việc ấy trong một cuốn sách khác, tức là sẽ không bao giờ có câu chuyện khả dĩ nào khác, với những từ khác, theo một trật tự câu khác. Chỉ có thể nói rằng tôi gặp lại mẹ khi mẹ đang rửa mặt cho bố sau khi ông mất, mặc cho ông cái áo sơ mi sạch, bộ com lê diện ngày Chủ nhật. Cùng lúc bà ru ông bằng những lời tốt đẹp như một đứa bé con mà người ta đang lau chùi và ru ngủ. Trước những động tác đơn giản và chính xác của bà, tôi đã nghĩ lúc nào bà cũng biết sẵn, rằng ông sẽ chết trước. Buổi tối cuối cùng, bà vẫn nằm cạnh ông trên giường. Cho đến lúc bên mai



táng đưa ông đi, bà còn lên nhìn ông giữa các lượt khách mua hàng, y hệt như trong bốn ngày ông bệnh.

Sau lễ chôn cất, bà có vẻ mệt mỏi và buồn, bà thú nhận với tôi: "Mất đi người đồng hành mới thật nặng nề." Bà tiếp tục công việc kinh doanh như trước. (Tôi vừa đọc được trên một tờ báo, "tuyệt vọng là một thứ xa xỉ". Cuốn sách này, thứ mà tôi có thời gian và phương tiện để viết kể từ khi mất mẹ, chắc hẳn cũng là thứ xa xỉ.)

Bà thăm gia đình nhiều hơn, chuyện văn nhiều tiếng liền với các cô gái trẻ trong cửa hàng, đóng cửa quán cà phê muộn hơn, giờ có nhiều khách hàng trẻ hơn. Bà ăn nhiều, lại trở nên rất khỏe, và nói liên tục, có xu hướng hiến thân giống một thiếu nữ, rất vênh khi nói với tôi là có hai ông góa quan tâm đến bà. Tháng Năm năm 1968, qua điện thoại: "Ở đây cũng sôi sục lắm, sôi sục lắm!" Rồi, mùa hè tiếp sau, đứng về phía tái thiết lập trật tự (sau này thì phần nộ trước việc người cánh tả tàn phá cửa hàng thực phẩm Fauchon tại Paris, mà bà hình dung là tương tự với cửa hàng của mình, chỉ mỗi cái là to hơn).

Trong các bức thư, bà khẳng định mình không có thời gian để buồn chán. Nhưng trong thâm tâm bà có đọc một niềm hy vọng, đó là sống với tôi. Một hôm, bà bảo đầy rụt rè, "nếu đến nhà con, mẹ sẽ có thể chăm lo nhà cửa hộ".

Ở Annecy, tôi nghĩ đến bà với cảm giác tội lỗi. Chúng tôi sống trong một "ngôi nhà tư sản lớn", chúng tôi có đứa con thứ hai: bà không "tranh thủ" được gì. Tôi tưởng tượng ra bà cùng hai đứa cháu, ở giữa cuộc sống đầy tiện nghi mà tôi nghĩ là bà coi trọng bởi vì bà từng muốn dành nó cho tôi. Năm 1970, bà bán cửa hàng, nhưng không tìm được người nào mua, nên đã bán nó như một cái nhà riêng, và tới ở nhà chúng tôi.

Đó là một ngày tháng Giêng êm dịu. Bà đến vào buổi chiều, cùng xe cam nhông chở đồ chuyển nhà, trong khi tôi đang ở trường. Lúc về, tôi thấy bà ngoài vườn, bế đứa cháu mới một tuổi, giám sát việc chuyển các thứ đồ gỗ cùng thùng đồ hộp còn lại. Tóc bà bạc trắng, bà cười, tràn trề sức sống. Bà hét lên với tôi từ xa: "Con không về muộn đấy chứ!" Đùng một cái, tôi tự nhủ, đầy bức bối, "giờ đây lúc nào mình cũng sẽ sống trước mặt bà ấy".

Hồi đầu, bà không thấy sung sướng như dự tính. Chỉ ngày một ngày hai, cuộc sống buồn bán của bà kết thúc, nỗi sợ các kỳ trả tiền, sự mệt mỏi, nhưng cũng cả lượt qua lại cùng những cuộc trò chuyện với khách, niềm kiêu hãnh khi kiếm được tiền "của mình". Bà chỉ còn là "bà ngoại", chẳng

ai ở đây biết bà và bà chỉ có chúng tôi để nói chuyện. Hết sức đột ngột, vũ trụ trở nên u ám và thu hẹp lại, bà không còn cảm thấy gì nữa.

Và điều này: sống ở nhà các con, đó là chia sẻ một lối sống mà bà lấy làm kiêu hãnh (với gia đình: "Chúng khá khảm lắm đấy!"). Đó cũng là không phơi khăn giẻ trên lò sưởi điện chỗ lối vào, "cẩn thận với các thứ" (những cái đĩa, bình pha lê), biết "vệ sinh" (không lau mũi cho bọn trẻ con bằng khăn mùi soa của bà). Phát hiện ra rằng người ta chẳng coi trọng những gì vốn rất quan trọng đối với bà, các mẩu tin vắn, tội ác, tai nạn, mối quan hệ tốt đẹp với hàng xóm, nỗi sợ thường trực "làm phiền" người khác (thậm chí cả cười cợt những mối bận tâm ấy, điều khiến bà choáng váng). Đó là sống bên trong một thế giới đón bà vào ở phía này và loại bỏ bà ở phía kia. Một hôm, đầy giận dữ: "Mẹ làm hỏng cả bức tranh đẹp."

Vậy nên bà không nghe điện thoại những lúc nó đổ chuông ở gần bà, cố tình khăng khăng gõ cửa trước khi bước vào phòng khách nơi con rể bà đang xem bóng đá trên ti vi, không ngừng đòi được làm việc, "nếu không có gì để làm, chẳng thà mẹ đi khỏi đây còn hơn" và, hơi mỉm cười, "mẹ phải trả tiền chỗ ở chứ!". Giữa hai chúng tôi nổ ra nhiều trận cãi vã quanh thái độ đó, tôi trách bà cố tình hạ thấp mình. Mất rất lâu tôi mới hiểu rằng khi ở nhà tôi, mẹ tôi cảm thấy cùng nỗi khó ở mà tôi từng có hồi còn thiếu niên, tại những "chỗ khá hơn chúng ta" (như thể chỉ "những người dưới" mới đau khổ vì những khác biệt mà người khác coi là chẳng quan trọng gì). Và rằng khi giả bộ tự coi mình là một nhân viên, bằng bản năng bà biến sự thống trị văn hóa, có thực, của các con bà, những người đọc *Le Monde* hay nghe Bach, thành ra một sự thống trị về kinh tế, trong tương tượng, của ông chủ với nhân viên: một cách để nổi loạn.

Bà đã hòa nhập được, tìm được cách khai triển năng lượng và niềm hào hứng của mình trong việc nhận trách nhiệm chăm lo cho mấy đứa cháu và một phần săn sóc nhà cửa. Bà tìm cách giải phóng tôi khỏi mọi công việc vật chất, lấy làm tiếc vì phải để cho tôi nấu ăn và đi chợ, bật máy giặt, thứ bà sợ phải dùng: bà mong muốn không phải chia sẻ lĩnh vực duy nhất bà được công nhận, nơi bà tự biết là mình có ích. Cũng giống xưa kia, bà là người mẹ từ chối không để người ta giúp đỡ, cũng không tán thành khi thấy tôi phải làm việc tay chân, "để cái đó lại, con có những việc khác tốt hơn để mà lo" (tức là, học bài hồi tôi lên mười, giờ thì là soạn bài, cư xử với tôi như nữ trí thức).

Lại lần nữa, chúng tôi nói với nhau bằng tông giọng đặc biệt ấy, cứ không ngừng gây sự và làm nhau cáu tiết, lúc nào cũng khiến người khác nhầm tưởng là chúng tôi đang cãi nhau, mà hẳn tôi nhận ra được, giữa một bà mẹ và một cô con gái, trong bất kỳ ngôn ngữ nào.

Bà vô cùng yêu quý hai đứa cháu và tận tâm với chúng vô bờ bến. Buổi chiều, bà lên đường đi thám hiểm thành phố, đẩy thẳng út trong xe nôi. Bà vào các nhà thờ, dành hàng tiếng ở hội chợ, đi

thơ thân ở những khu phố cổ và mãi tối mịt mới về nhà. Mùa hè, bà cùng hai đứa leo lên đồi Annecy-le-Vieux, dẫn chúng ra bờ hồ, thỏa mãn sự thèm thuồng của chúng bằng cách mua kẹo, kem cho chúng ăn và cho chúng đi đu quay. Trên các băng ghế, bà làm quen với những người mà sau đó bà hay gặp lại, bà chuyện gẫu với cô bán bánh mì trên phố, bà tự tái tạo vũ trụ của mình.

Và bà đọc *Le Monde* và *Le Nouvel Observateur*, bà hay đến nhà một bà bạn để "uống trà" (cười rộ, "mẹ không thích cái thứ đó nhưng mẹ chẳng nói gì!"), bà quan tâm tới đồ cổ ("cái này chắc giá trị đấy"). Bà rành rọt mọi từ lóng, bà cố công làm mọi thứ "thật nhẹ nhàng", nói tóm lại, tự "kiểm soát", tự nổi giận vì sự dữ dằn của bản thân. Thậm chí, bà cảm thấy kiêu hãnh vì tuy muộn màng nhưng cũng đã chinh phục được thứ hiểu biết vốn dĩ đã được tiêm vào những phụ nữ tư sản thế hệ bà ngay từ trẻ, việc chăm chút hoàn hảo một món "nội thất".

Giờ đây bà chỉ mặc đồ màu sáng, không bao giờ mặc đồ đen nữa.

Trên một bức ảnh chụp vào tháng Chín năm 1971, bà rạng ngời dưới mái tóc bạc trắng, người mảnh hơn trước trong chiếc áo sơ mi Rodier in hình hoa lá cành. Bà đặt tay lên vai hai đứa cháu trai đứng trước mặt. Đó vẫn là hai bàn tay to và quặp xuống như trên bức ảnh bà chụp hôm đám cưới.

Giữa những năm bảy mươi, bà theo chúng tôi lên vùng Paris, ở một thành phố đang kiến thiết, nơi chồng tôi kiếm được chức vụ cao hơn. Chúng tôi sống ở một ngôi nhà riêng trong khu mới, nằm giữa một bình nguyên. Các cửa hàng và trường học cách đó hai cây số. Tối đến mới trông thấy các cư dân. Cuối tuần, họ rửa xe ô tô và dựng những cái giá trong ga ra. Đó là một chốn mơ hồ và không bị nhòm ngó, nơi người ta cảm thấy bông bênh, bị tước đi mất các cảm giác cùng suy nghĩ.

Bà không quen sống ở đó. Buổi chiều, bà đi dạo trên phố Hoa hồng, phố Hoa trường thọ, phố Xa cục lam vắng tanh. Bà viết nhiều thư gửi cho các bà bạn ở Annecy, cho gia đình. Thỉnh thoảng, bà đi đến tận siêu thị trung tâm Leclerc, nằm bên kia xa lộ, theo những con đường gồ ghề nơi đám xe ô tô lao qua bán hết bần bản lên người bà. Bà về nhà, mặt thần thờ. Việc phải phụ thuộc vào tôi và xe ô tô của tôi cho bất kỳ nhu cầu nhỏ nhất nào, một đôi tất, lễ mi xa hay đi cắt tóc, khiến bà cảm thấy nặng nề. Bà đâm ra dễ nổi nóng, bà phản đối, "đâu thể cứ đọc sách mãi được!". Việc lắp máy rửa bát cũng tước mất của bà một công việc, gần như làm nhục bà, "giờ thì mẹ sẽ làm gì đây?". Trong khu, bà chỉ nói chuyện với một phụ nữ, một người đàn bà Antilles, nhân viên văn phòng.

Sau sáu tháng, bà lại lần nữa quyết định quay về Yvetot. Bà chuyển vào một căn hộ nhỏ dưới tầng trệt dành cho người già, ngay gần trung tâm. Sung sướng vì lại được độc lập, gặp lại người chị em gái cuối cùng - những người khác đều đã chết - các bà khách cũ, những đứa cháu gái đã lầy

chồng mời bà tới các bữa tiệc và lễ ban thánh thể. Bà mượn sách ở thư viện thành phố, đi Lourdes, vào tháng Mười, cùng đoàn hành hương giáo xứ. Nhưng dần dà, vẫn là cảnh lặp đi lặp lại mọi thứ bắt buộc trong một đời sống không làm việc, nổi bực tức khi hàng xóm chỉ toàn người già (bà cực lực từ chối không chịu tham gia các hoạt động của "câu lạc bộ người cao tuổi"), và chắc chắn có cả nỗi bất mãn thâm kín này: những người trong cái thành phố bà đã sống năm mươi năm, những người duy nhất mà, xét cho cùng, bà muốn họ là nhân chứng cho thành công của con gái cùng con rể bà, sẽ không bao giờ tận mắt chứng kiến điều đó.

Căn hộ nhỏ ấy sẽ là chỗ ở cuối cùng của bà. Một căn phòng hơi u tối, với cái góc dùng làm bếp trông ra một khoảnh vườn nhỏ, một gian lòi ra để kê giường và tủ đầu giường, nhà tắm, một điện thoại nội bộ, để liên lạc với bà quản lý khu nhà. Đó là một không gian thu ngắn mọi động tác, nơi và lại cũng chẳng có gì để làm, ngoài ngồi, xem ti vi, chờ tới giờ ăn tối. Lần nào tôi đến thăm, bà cũng vừa nhìn quanh vừa nhắc lại: "Nếu phàn nàn thì mẹ sẽ thành khó tính quá." Tôi thấy bà dường như còn quá trẻ để đến mức ấy.

Chúng tôi ngồi đối diện nhau ăn trưa. Thoạt tiên, chúng tôi có biết bao nhiêu điều để nói với nhau, sức khỏe, kết quả học hành của hai thằng bé, những cửa hàng mới, các kỳ nghỉ, chúng tôi ngắt lời nhau, và chẳng mấy chốc, chỉ còn im lặng. Theo thói quen, bà tìm cách nối lại cuộc trò chuyện, "mẹ sẽ nói gì nhi...". Một lần, tôi nghĩ, "căn hộ nhỏ này là nơi duy nhất mẹ tôi sống mà tôi không ở cùng, kể từ ngày tôi sinh ra". Lúc tôi rời đi, bà rút ra một tờ giấy hành chính nhờ tôi giải thích, bà tìm kiếm khắp nơi mẹo làm đẹp hoặc mảnh dụn đẹp để dành đưa cho tôi.

Thay vì tới thăm bà, tôi thích bà đến ở nhà chúng tôi hơn: đối với tôi, lồng thêm bà vào cuộc sống của chúng tôi trong vòng hai tuần dường như dễ dàng hơn là chia sẻ ba tiếng của đời bà, ở đó chẳng còn gì xảy ra nữa. Vừa được mời, bà vội tới ngay. Chúng tôi đã rời khu nhà trước kia và đến sống tại ngôi làng cũ liền kề thành phố mới. Bà rất thích nơi này. Bà xuất hiện ở bến tàu, thường trong bộ đồ màu đỏ, cùng cái va li mà bà từ chối để cho tôi xách. Vừa tới nơi, bà đã giẫy cỏ các bồn hoa. Mùa hè, ở tỉnh Nièvre, nơi bà ở cùng chúng tôi một tháng, bà một mình đi khắp các đường mòn, trở về với hàng cân quả ngấy, hai chân xước xát. Bà không bao giờ nói "mẹ đã quá già để", đi câu cùng hai thằng bé, đi hội chợ Trônes, ngủ muộn, v.v.

Một tối tháng Mười hai năm 1979, quãng sáu rưỡi, trên quốc lộ 15, bà bị một chiếc Citroën CX vượt đèn đỏ đâm ở lối dành cho người đi bộ lúc bà đang sang đường. (Theo bài trên tờ báo địa phương, có thể thấy rằng lái xe đã không may mắn, "tầm nhìn không tốt vì mới có nhiều trận mưa"

và "bị chói mắt do các xe ngược chiều có thể là một nguyên nhân cùng các nguyên nhân khác khiến lái xe không nhìn thấy bà già ngoài bảy mươi".) Bà bị gãy chân và chấn thương sọ não. Bà hôn mê mất một tuần. Bác sĩ phẫu thuật của bệnh viện cho rằng thể trạng khỏe mạnh của bà sẽ chiến thắng. Bà cựa quậy, tìm cách giật ống truyền và nhấc cái chân bị bó bột lên. Bà hét lên với người chị gái tóc vàng của bà, đã mất hai mươi năm trước, là cẩn thận đây, có một cái xe ô tô đang lao đến. Tôi nhìn hai bờ vai trần của bà, cơ thể bà mà lần đầu tiên tôi trông thấy bị buông thả, trong con đau đớn. Tôi thấy dường như mình đang ở trước người thiếu phụ đã khó nhọc đẻ ra mình, trong một đêm thời chiến. Tôi ngây người nhận ra rằng bà có thể chết.

Bà bình phục, đi vững như trước. Bà muốn thắng trong vụ kiện người lái chiếc xe CX, thực hiện mọi giám định y tế với thái độ tro trên đây quả quyết. Người ta nói bà gặp may vì đã thoát nạn tốt đẹp đến vậy. Bà kiêu hãnh về điều đó, như thể chiếc xe đâm vào bà là một trở ngại mà bà đã, đúng như thói quen của mình, vượt qua được.

Bà thay đổi. Bà dọn bàn mỗi lúc một sớm hơn, mười một giờ sáng, sáu rưỡi chiều. Bà chỉ đọc mỗi tờ *France-Dimanche* cùng các tiểu thuyết-ảnh mà một thiếu phụ, khách hàng của bà, đưa cho (giấu chúng vào tủ buýp phê những lúc tôi đến thăm). Bà bật ti vi ngay từ sáng - lúc đó không có chương trình nào, mà chỉ phát nhạc và hình chính máy trên màn hình - cứ để nó chiếu suốt cả ngày, chẳng mấy khi xem và buổi tối thì ngủ quên trước ti vi. Bà dễ nổi cáu, luôn miệng nói, "kinh quá", khi gặp bất tiện nhỏ xíu nào, một cái áo khoác khó là cho phẳng, bánh mì tăng giá mười xăng tim. Bà cũng có khuynh hướng căm sợ, trước một thông báo của quỹ hưu trí, một tờ bướm thông báo bà đã giành được cái này hay cái kia, "nhưng mẹ có đòi gì đâu!". Những lúc nhắc tới Annecy, các cuộc dạo chơi cùng bọn trẻ con tại các khu phố cổ, lũ thiên nga trên hồ, bà chỉ chực khóc. Những bức thư của bà thiếu đi nhiều từ ngữ, chúng cũng thưa hơn và ngắn hơn. Căn hộ nhỏ bốc mùi.

Bà đã có những cuộc phiêu lưu. Bà đợi trên sân ga một đoàn tàu đã đi mất. Lúc đi mua đồ, bà thấy mọi cửa hàng đều đã đóng cửa. Những cái chìa khóa của bà không ngừng biến mất. La Redoute gửi cho bà những mặt hàng mà bà không đặt mua. Bà trở nên gầy hân với gia đình ở Yvetot, cáo buộc tất cả họ tọc mạch về tiền của bà, không muốn qua lại với họ nữa. Một hôm, khi tôi gọi điện thoại cho bà: "Mẹ chán phải đại tiện ở cái chỗ khốn kiếp này lắm rồi." Dường như bà đang cứng rắn trước những mối đe dọa khó nói.

Tháng Bảy năm 1983 nóng như thiêu, ngay cả ở Normandie. Bà không uống rượu và không thấy đói, đoán chắc rằng các thứ thuốc men nuôi sống được mình. Bà bị say nắng và người ta đưa bà

vào bộ phận y tế của dưỡng đường. Vài hôm sau, được cho ăn và truyền nước, bà khỏe lại và đòi về nhà, "bằng không, tôi sẽ nhảy qua cửa sổ đấy" bà nói. Theo viên bác sĩ, kể từ nay bà không thể ở một mình được nữa. Anh ta khuyên đưa bà vào một nhà dưỡng lão. Tôi gạt phăng giải pháp.

Đầu tháng Chín, tôi lái xe tới dưỡng đường đón bà, để đưa bà về nhà tôi ở hẳn. Tôi đã chia tay với chồng và sống cùng hai con trai. Suốt chặng đường đi, tôi nghĩ, "giờ đây, mình sẽ chăm lo cho bà" (như xưa kia, "chùng nào lớn, mình sẽ đi du lịch cùng mẹ, mẹ con mình sẽ đến Louvre", v.v.). Trời rất đẹp. Bà thanh thản ngồi ở ghế trước xe, cái túi để trong lòng. Như thường lệ, chúng tôi nói chuyện về bọn trẻ con, việc học của chúng, công việc của tôi. Bà vui vẻ kể chuyện về những người ở chung phòng, chỉ có một nhận xét lạ thường về một bà trong số đó: "Con mụ thối tha, mẹ sẵn sàng và cho mụ hai cái." Ấy là hình ảnh sung sướng cuối cùng mà tôi có về mẹ.

Cuốn sử đời bà dừng lại, cái lịch sử mà ở đó bà có chỗ riêng trong thế giới. Bà mất trí. Chứng đó được gọi là bệnh Alzheimer, cái tên được các bác sĩ đặt cho một hình thức loạn óc ở người già. Từ vài ngày nay, tôi viết mỗi lúc một khó nhọc hơn, có lẽ vì tôi những muốn sẽ không bao giờ đến thời điểm này. Thế nhưng, tôi biết mình sẽ không thể sống nổi nếu không hợp nhất, thông qua viết, người phụ nữ giờ đã loạn óc với cái người vốn từng khỏe khoắn và sáng ngời.

Bà không tìm được đường giữa các phòng khác nhau trong nhà, và hay giận dữ hỏi tôi làm thế nào để về phòng mình. Bà làm thất lạc các thứ đồ (bà hay nói câu này những lúc như thế: "Mẹ không sao tìm được nó nữa"), ngăn ra khi thấy chúng ở những nơi mà bà khẳng khăng không chịu tin là chính bà đã để. Bà đòi được khâu vá, là quần áo, nhặt rau, nhưng việc nào cũng ngay lập tức khiến bà trở nên cáu kỉnh. Bà bắt đầu sống trong nỗi sốt ruột thường hằng, để xem ti vi, ăn trưa, đi ra vườn, và hết ham muốn này tiếp theo ham muốn khác mà không khiến bà hài lòng.

Buổi chiều, bà ngồi giống như trước đây bên cái bàn trong phòng khách, với quyển sổ ghi địa chỉ và lóc giáy viết thư. Sau một tiếng, bà xé những bức thư mà bà đã bắt đầu nhưng không thể viết tiếp. Trên một trong số những bức thư ấy, vào tháng Mười một, "Paulette yêu quý tôi không ra khỏi bóng đêm của mình".

Rồi bà quên mất trật tự và sự vận hành của mọi thứ. Không còn biết phải làm thế nào để bày cốc và đĩa lên một cái bàn, làm sao tắt được đèn trong phòng (bà kê ghế treo lên và định tháo bóng đèn ra).

Bà mặc chân váy cũ nhàu và đi tất vá nhưng nhất định không chịu thay: "Con thì giàu quá rồi, cái gì con chẳng vứt đi." Bà chẳng còn tình cảm nào khác ngoài giận dữ và nghi ngờ. Trong mọi lời lẽ, bà đều cảm thấy có mối đe dọa hướng vào mình. Những việc khẩn thiết cần làm cứ không

thôi hành hạ bà, mua dầu bóng bôi tóc, xem hôm nào thì bác sĩ đến, xem bà đang có bao nhiêu tiền trong sổ tiết kiệm. Nhưng, thỉnh thoảng, là các cơn vui vẻ già đò, những tiếng cười khe khẽ không hợp lúc, nhằm chứng tỏ là bà không bị ốm.

Bà không còn hiểu được những gì mình đọc. Bà đi quanh quẩn từ phòng này sang phòng khác, không ngừng tìm kiếm. Bà moi rỗng tủ của mình, bày lên giường những cái váy, các món đồ lưu niệm nhỏ, đặt chúng lên những giá khác, hôm sau lại tái khởi, như thể không sao tìm ra được cách bố trí lý tưởng. Một chiều thứ Bảy, tháng Một, bà chắt hết cả nửa số quần áo của mình vào các túi ni lông rồi lấy chỉ khâu mép lại, để đóng chúng. Những khi không sắp xếp, bà cứ ngồi ì trên một cái ghế tựa trong phòng khách, hai tay khoanh lại, nhìn ra trước mặt. Chẳng gì còn có thể làm cho bà sung sướng được nữa.

Bà đã đánh mất những cái tên. Bà gọi tôi là "madame" bằng tông giọng lịch sự thượng lưu. Khuôn mặt hai đứa cháu không còn gọi lên điều gì với bà nữa. Ở bàn ăn, bà hỏi chúng có được trả lương cao ở đây không, bà tưởng tượng mình đang ở một trang trại nơi chúng cũng là người làm công giống bà. Nhưng bà "tự soi mình", xấu hổ khi đái dầm làm bẩn quần áo lót, giấu nó xuống dưới gối, một sáng nọ cất giọng lí nhí, từ trên giường, "chẳng may đây". Bà tìm cách bấu víu vào thế giới, bà muốn khâu vá hết sức, tập hợp đồng khăn quàng, mùi soa, xếp chúng chồng lên nhau, với các mũi khâu chụm choạc. Bà gắn bó với một số đồ vật, túi đựng đồ trang điểm được bà luôn mang theo mình, bà khiếp hãi, chực òa khóc, những lúc không tìm được nó.

Trong giai đoạn đó, tôi đựng xe hai lần, lần nào cũng do lỗi của tôi. Tôi bị khó nuốt, đau dạ dày. Tôi la hét và chực khóc không vì gì cả. Ngược lại, thỉnh thoảng, tôi cười dữ dội cùng hai con, chúng tôi vờ coi các lần đăng trí của mẹ tôi như những trò đùa chủ ý của bà. Tôi kể về bà với những người không quen biết bà. Họ im lặng nhìn tôi, tôi có cảm giác mình cũng bị điên. Một hôm, tôi lái xe bừa vào những con đường đồng quê suốt hàng tiếng đồng hồ, mãi tới mịt mới về nhà. Tôi bắt đầu một mối quan hệ với một người đàn ông mà tôi thấy chán ghét.

Tôi không muốn bà quay trở lại thành một đứa bé gái, bà không có "quyền" làm như vậy.

Bà bắt đầu nói chuyện với những người mà chỉ mình bà nhìn thấy. Lần đầu tiên chuyện ấy xảy ra, tôi đang chữa bài. Tôi bịt tai lại. Tôi nghĩ, "thế là hết". Sau đó, tôi viết lên một mảnh giấy, "mẹ nói chuyện một mình". (Tôi đang viết cùng những từ đó, nhưng chúng không còn giống, như lúc đó, những từ chỉ dành cho tôi, để chịu đựng được chuyện đó, giờ chúng là những từ giúp hiểu ra chuyện đó.)

Sáng ra, bà không muốn dậy nữa. Bà chỉ ăn các sản phẩm từ sữa và đường, nôn hết những thứ khác. Cuối tháng Hai, bác sĩ quyết định cho chuyển bà vào bệnh viện Pontoise, nơi người ta nhập



viện cho bà vào khoa ruột-dạ dày. Tình trạng của bà được cải thiện sau vài ngày. Bà tìm cách trốn viện, y tá trói bà vào ghế. Lần đầu tiên, tôi rửa răng giả của bà, lau chùi móng tay cho bà, bôi kem lên mặt bà.

Hai tuần sau, người ta chuyển bà sang bên lão khoa. Đó là một tòa nhà nhỏ hiện đại cao bốn tầng, nằm đằng sau bệnh viện, giữa rặng cây. Những người già, phần lớn là phụ nữ, được phân chia như sau: tầng hai, dành cho những người ở ngắn ngày, tầng ba và tầng bốn là những người được phép ở lại cho đến lúc mất. Tầng bốn chủ yếu dành cho những người tàn phế và những người bị giảm chức năng trí tuệ. Các phòng ở, đôi hoặc đơn, sáng sủa, sạch sẽ, giấy dán tường in hoa, treo tranh ảnh, một chiếc đồng hồ treo tường, mấy cái pho toai giả da, buồng vệ sinh có bồn cầu. Để có một chỗ lâu dài, đôi khi phải đợi rất lâu, chẳng hạn, khi không có nhiều người qua đời trong mùa đông. Mẹ tôi ở tầng hai.

Bà nói liền thoảng, kể lại các cảnh mà bà tưởng mình vừa thấy hôm trước, một vụ cướp, một đứa trẻ chết đuối. Bà bảo tôi là lát nữa sẽ về để đi chợ, các cửa hàng đang đông đặc người. Những nỗi sợ cùng lòng thù hận quay lại, bà phẫn nộ vì phải làm việc như dân da đen cho những ông chủ không trả tiền công, đàn ông theo đuổi bà. Bà giận dữ khi tiếp tôi, "mấy hôm nay mẹ chẳng có gì, thậm chí còn không có cả tiền mua một miếng pho mát". Bà giữ trong túi áo mấy mẩu bánh mì từ bữa trưa.

Ngay cả như vậy, bà vẫn không chịu nhả nhục điều gì. Tôn giáo đã bị xóa bỏ trong bà, bà không còn muốn đi lễ mi xa, không còn muốn có tràng hạt. Bà muốn khỏi bệnh ("rốt cuộc người ta sẽ thấy mẹ có những gì"), bà muốn đi khỏi đó ("ở với con thì sẽ tốt hơn"). Bà đi từ hành lang này sang hành lang kia cho tới lúc kiệt sức. Bà đòi uống rượu vang.

Một tối tháng Tư, bà ngủ ngay từ sáu rưỡi, nằm dài trên đồng chăn, trong bộ đồ lót một mảnh; hai chân co cao, lộ ra phần kín. Trong phòng rất nóng. Tôi òa khóc vì đây là mẹ tôi, vẫn chính là người phụ nữ của tuổi thơ tôi. Ngực bà chẳng chịt những đường gân xanh.

Kỳ lưu trú tám tuần theo quy định của bà tại khoa lão khoa kết thúc. Bà được nhận vào một nhà dưỡng lão tư nhân, trong khoảng thời gian tạm thời, vì ở đó người ta không chăm những người "mất phương hướng". Cuối tháng Năm, bà quay trở lại khoa lão khoa của bệnh viện, ở Pontoise. Ở tầng bốn, có một chỗ vừa thừa ra.

Lần cuối cùng, mặc cho có lần, bà vẫn còn là bà, lúc bà xuống xe, đi qua cửa vào, người thẳng, đeo kính, bộ đồ màu ghi nhàu nhĩ, đôi giày thanh lịch, quần tất. Trong va li, có mấy cái áo sơ mi, đồ lót, các món đồ lưu niệm, mấy bức ảnh.

Bà vào ở hẳn trong cái không gian không mùa đó, lúc nào cũng âm áp êm dịu, thom tho, suốt cả năm, cũng không có thời gian, chỉ có sự lặp lại được quy định chặt chẽ của các chức năng, ăn, ngủ, v.v. Giữa những chức năng ấy, đi lại trong các hành lang, ngồi ở bàn đợi bữa từ trước một tiếng, mở khăn ra rồi gấp lại không ngừng, xem hết phim truyền hình nhiều tập Mỹ đến các quảng cáo lóe chóa chiếu trên màn hình ti vi. Các bữa tiệc, chắc hẳn: các bà thiện nguyện phân phát bánh ngọt vào các ngày thứ Năm, một ly sâm banh ngày đầu năm mới, hoa huệ chuông ngày 1 tháng Năm. Vẫn có tình yêu, các bà nắm tay nhau, vuốt tóc nhau, đánh nhau. Và triết lý thường trực của các nữ hộ lý: "Nào, bà D..., lấy một cái kẹo đi, nó sẽ giúp thời gian trôi qua mau."

Sau vài tuần, ham muốn trụ vững rời bỏ bà. Bà sụp xuống, lưng còng mà bước, đầu ngoẹo đi. Bà đánh mất cặp kính, ánh mắt bà trở nên mờ đục, khuôn mặt trần trụi, hơi phì ra, do tác động của thuốc an thần. Về ngoài bà bắt đầu có cái gì đó man dại.

Dần dà bà làm thất lạc hết đồ đạc cá nhân, một cái áo khoác nhẹ bà từng rất thích, cặp kính thứ hai, túi đựng đồ trang điểm.

Bà chẳng thiết nữa, bà không còn cố tìm lại dấu là bất kỳ cái gì. Bà không nhớ những gì thuộc về bà, bà chẳng còn gì của riêng mình. Một hôm, trong lúc nhìn cậu bé nạo ống khói nhỏ bé người Savoie mà bà đã mang từ Annecy đi khắp nơi, "trước đây tôi từng có một cái giống hệt thế này." Giống phần lớn các phụ nữ khác, để cho tiện, người ta mặc cho bà cái áo choàng trở cúc ở lưng từ trên xuống dưới, cùng áo bờ lu hình hoa khoác ra ngoài. Bà không còn xấu hổ vì điều gì nữa, mặc bím, ngón ngáu ăn bằng tay.

Những người xung quanh bà mỗi lúc một thêm nhòa lẫn với nhau. Các lời lẽ đến với bà chẳng còn mang nghĩa gì nữa, nhưng bà vẫn hú họa đáp lại. Lúc nào bà cũng muốn giao tiếp. Chức năng ngôn ngữ còn nguyên vẹn ở bà, những câu liền lạc, các từ phát âm chuẩn xác, chỉ là bị phân tách khỏi mọi sự, vốn dĩ chỉ tuân thủ trí tưởng tượng. Bà bịa ra cuộc đời bà không còn sống nữa: bà đi Paris, bà tự mua một con cá vàng, người ta dẫn bà đến mộ chồng bà. Nhưng thỉnh thoảng, bà BIẾT: "Tôi sợ tình trạng của tôi không đảo ngược được nữa." Hay bà NHỚ: "Tôi từng làm mọi thứ để con gái tôi được sung sướng và nó đã không hơn được là vì thế."

\*

Bà đã qua mùa hè (người ta đội cho bà cũng như những người khác một cái mũ cói để xuống vườn, ngồi trên các băng ghế), mùa đông. Ngày đầu năm, người ta mặc lại cho bà áo sơ mi cùng chân váy của bà, mời uống sâm banh. Bà bước đi chậm hơn, một tay vịn vào thanh sắt chạy dọc tường hành lang. Có những lúc bà bị ngã. Bà để mắt hàm dưới bộ răng giả, về sau mắt nốt hàm trên. Mọi

bà quất lại, nhìn chỉ còn thấy toàn là cảm. Lúc gặp lại bà, tôi sợ hãi khi mỗi lần lại thấy bà bớt "người" hơn. Xa khỏi bà, tôi hình dung ra bà với những biểu hiện, dáng điệu của trước kia, chứ không bao giờ như con người bà đã trở thành.

Mùa hè sau đó, bà bị rạn xương đùi. Người ta không phẫu thuật cho bà. Đặt nẹp hông cho bà, cũng như những điều khác - làm lại kính, làm lại răng cho bà - không còn cần nữa. Bà không đứng dậy từ cái xe lăn mà người ta buộc chặt bà vào đó bằng một dải vải quấn quanh eo nữa. Người ta đẩy bà vào phòng ăn cùng những phụ nữ khác, trước cái ti vi.

Những người từng quen bà viết thư cho tôi, "bà ấy không đáng bị như vậy", họ cho rằng tốt hơn hết là bà được "trút bỏ" sớm. Có lẽ rồi một ngày kia cả xã hội sẽ có cùng ý kiến đó. Họ không tới thăm bà, đối với họ, bà đã chết. Nhưng bà muốn sống. Bà cứ không ngừng tìm cách nhòm dậy bằng cách khom người trên cái chân lạnh và giật dải dây buộc ra. Bà chìa tay về phía mọi thứ trong tầm với. Lúc nào bà cũng đói, năng lượng của bà được tập trung ở cái miệng. Bà thích người ta hôn bà và chia môi ra để hôn lại. Bà là một đứa bé gái sẽ không lớn nữa.

Tôi mang đến cho bà sô cô la, các loại bánh, tôi cho bà ăn từng miếng nhỏ. Thoạt đầu, tôi không lần nào mua được loại bánh ngọt thích hợp, quá nhiều kem hoặc quá cứng, bà không ăn nổi (một nỗi đau khôn tả khi chứng kiến bà vật lộn, những ngón tay, cái lưỡi, nhằm làm cho bằng được). Tôi rửa tay cho bà, cạo mặt, xịt nước hoa. Một hôm, tôi chải đầu cho bà, rồi dừng lại giữa chừng. Bà nói "Mẹ thích con chải tóc cho mẹ." Sau đó, tôi luôn luôn chải đầu cho bà. Tôi ngồi trước mặt bà, trong phòng. Thường thì, bà túm lấy lớp vải váy của tôi, lần mò nó như thể đang kiểm tra chất lượng. Bà xé giấy gói bánh thật mạnh, quai hàm nghiến lại. Bà nói chuyện về tiền nong, những người khách, ngựa đầu ra sau cưỡi. Đó là các động tác trước đây bà luôn làm, những lời lẽ phát xuất từ toàn bộ cuộc đời bà. Tôi không muốn bà chết.

Tôi cần nuôi dưỡng bà, chạm vào bà, nghe bà nói.

Có nhiều lần, tôi có ham muốn mãnh liệt mang bà theo, chỉ chăm lo cho mỗi mình bà, và ngay lập tức tôi biết mình không có khả năng làm việc ấy. (Cảm giác tội lỗi vì đã đưa bà vào đó, ngay cả khi, như người ta hay nói, "tôi đâu làm gì khác được".)

Bà qua một mùa đông nữa. Chủ nhật sau Phục sinh, tôi tới thăm bà, mang theo hoa liên kiều. Trời xám xịt và lạnh. Bà đang ở trong phòng ăn cùng các bà khác. Ti vi bật. Bà mỉm cười với tôi lúc tôi tiến lại gần. Tôi đẩy xe lăn về phòng bà. Tôi cắm những cành liên kiều vào một cái bình. Tôi ngồi xuống cạnh bà và cho bà ăn sô cô la. Người ta đã đi cho bà đôi tất len màu nâu cao quá gối,

mặc cho bà cái áo bờ lu quá ngắn để lộ ra cặp đùi gầy guộc. Tôi lau chùi tay, miệng của bà, da bà âm ẩm. Tới một lúc, bà tìm cách tóm lấy mấy cành liên kiều. Sau đó, tôi đưa bà quay lại phòng ăn, đang là chương trình của Jacques Martin, "Trường học các fan". Tôi ôm hôn bà rồi vào thang máy. Hôm sau bà mất.

\*

Trong tuần tiếp theo, tôi hay thấy lại Chủ nhật ấy, khi bà vẫn sống, đôi tát màu nâu, hoa liên kiều, những cử chỉ của bà, nụ cười của bà lúc tôi chào tạm biệt, rồi thứ Hai, lúc bà đã mất, nằm trên giường. Tôi không sao nối được hai ngày vào với nhau.

Giờ đây, mọi điều đã được nói.

Ấy là cuối tháng Hai, trời mưa suốt và thời tiết rất dịu. Tôi nay, sau khi đi chợ, tôi quay lại chỗ nhà dưỡng lão. Từ bãi đỗ xe, tòa nhà dường như sáng hơn, gần như niêm nở. Cửa sổ phòng cũ của mẹ tôi sáng đèn. Lần đầu tiên, đầy kính ngọc: "Có ai khác ở chỗ của bà ấy." Tôi cũng nghĩ rồi một ngày, quãng sau năm 2000, hẳn tôi cũng sẽ là một trong những phụ nữ vừa chờ bữa tối vừa mở rồi lại gấp khăn ăn, ở đây hoặc chỗ khác.

Trong suốt mười tháng tôi dùng để viết, gần như đêm nào tôi cũng mơ thấy bà. Một lần, tôi nằm giữa một con sông, giữa hai dòng nước. Từ bụng tôi, từ bộ phận sinh dục của tôi lại nhả li như bộ phận sinh dục của một đứa bé gái mọc ra những cái cây nhỏ, nổi bập bênh, mềm oặt. Đó không chỉ là bộ phận sinh dục của tôi, đó cũng là bộ phận sinh dục của mẹ tôi.

Thảng hoặc, tôi thấy dường như mình đang ở quãng thời gian bà vẫn sống tại nhà, trước khi đến bệnh viện. Thoáng qua, đầu vẫn có ý thức sáng sủa về cái chết của bà, tôi trông đợi sắp thấy bà bước xuống cầu thang, ngồi vào phòng khách với hộp đồ khâu vá. Cảm giác ấy, trong đó sự hiện diện ảo tưởng của mẹ tôi mạnh hơn sự vắng mặt thực sự của bà, chắc hẳn là hình thức đầu tiên của sự quên.

Tôi đã đọc lại những trang đầu tiên của cuốn sách này. Tôi ngây ra khi nhận thấy mình không còn nhớ được một số chi tiết, nhân viên nhà xác đang nói chuyện điện thoại trong lúc chúng tôi đợi, dòng chữ viết bằng nhựa đường trên tường siêu thị.

Cách đây mấy tuần, một trong các bà dì của tôi bảo tôi rằng mẹ tôi và bố tôi, hồi mới đi lại với nhau, hay hẹn gặp trong nhà vệ sinh, ở nhà máy. Giờ đây mẹ tôi đã mất, tôi những muốn không biết thêm gì về bà ngoài những điều tôi đã biết khi bà còn sống.

Hình ảnh bà có xu hướng quay trở lại hình ảnh tôi tưởng tượng mình đã có về bà hồi còn nhỏ xíu, một cái bóng to lớn màu trắng phía trên tôi.

Bà mất trước Simone de Beauvoir tám ngày.

Bà thích cho mọi người, hơn là nhận về. Chẳng phải viết là một cách cho đi đấy ư.

Đây không phải một tiểu sử, lẽ dĩ nhiên cũng không phải một cuốn tiểu thuyết, có lẽ là cái gì đó ở giữa văn chương, xã hội học và lịch sử. Cần phải có chuyện mẹ tôi, sinh ra trong môi trường bị thống trị mà bà muốn thoát khỏi nó, trở thành lịch sử, thì tôi mới cảm thấy bớt cô độc và giả tạo hơn ở thế giới thống trị làm từ từ ngữ và ý tưởng, theo mong muốn của bà, tôi đã chuyển sang.

Tôi sẽ không còn nghe thấy giọng nói của bà nữa. Chính bà, cùng những lời lẽ của bà, hai bàn tay bà, các động tác của bà, cách cười và cách bước đi của bà, đã hội tụ người phụ nữ vốn dĩ là tôi lúc này với đứa trẻ tôi từng là. Tôi đã đánh mất sợi dây nối cuối cùng với thế giới xuất thân của mình.

*Chủ nhật 20 tháng Tư 1986 - 26 tháng Hai 1987*

## Mục Lục

Bắt đầu .....	6
Nội dung truyện .....	8
Mẹ tôi mất vào .....	8
Trong tuần tiếp theo .....	10